

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh kinh tế hiện nay, việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp rất quan trọng. Đặc biệt tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cơ bản của hạch toán kế toán. Qua đó cho biết sản phẩm doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào? Chi phí quá trình sản xuất là bao nhiêu? Và kết quả đạt được là gì? Tất cả những thông tin này sẽ giúp nhà quản trị đưa ra những chính sách và quyết định đúng đắn.

Nhận được tầm quan trọng của vấn đề trên, qua thời gian thực tập tại công ty TNHH May Thiên Nam, em đã tìm hiểu sâu về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Và em quyết định chọn đề tài: “ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH May Thiên Nam làm khóa luận tốt nghiệp của mình. Nội dung của bài khóa luận ngoài lời mở đầu và kết luận gồm:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty may Thiên Nam

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty may Thiên Nam

Kết hợp kiến thức thu thập được trong quá trình học tập nghiên cứu tại trường, cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của tập thể ban lãnh đạo, phòng kế toán của công ty, đặc biệt với sự hướng dẫn nhiệt tình của Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên do thời gian tiếp cận thực tế, khả năng nghiên cứu, nhận thức tổng quan còn hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô, các cán bộ phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Vũ Thị Nhung

CHƯƠNG 1:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp

1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:

- **Khái niệm:**

- **❖ Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- **Phân loại doanh thu:**

Doanh thu của doanh nghiệp bao gồm các khoản sau:

- **❖ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- **❖ Doanh thu bán hàng nội bộ** phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

- **❖ Doanh thu hoạt động tài chính:** là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ; . . .

- Cổ tức lợi nhuận được chia;

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường ;
- Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà Nước hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng;
- Thu nhập do nhận tặng, biếu bằng tiền, hiện vật của tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.

1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Chiết khấu thương mại:**

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc khi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hoá đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Giá trị hàng bán bị trả lại:**

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ **Thuế TTDB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng. Trong đó:

- Thuế tiêu thụ đặc biệt là loại thuế đánh trên hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là loại thuế gián thu cấu thành trong giá bán sản phẩm.

- Thuế xuất khẩu: là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa chịu thuế xuất khẩu.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \frac{\text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra}}{\text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}}$$

1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:

• Khái niệm:

• Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận.

- **Phân loại chi phí**

Chi phí của doanh nghiệp bao gồm:

- **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng trong bán hàng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý văn phòng; thuế, phí và lệ phí; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

- **Chi phí khác:** Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy thu thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là một loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện tại.

- Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp :

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x thuế suất thuế TNDN

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

• **Kết quả hoạt động kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

❖ **Hoạt động sản xuất kinh doanh** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

❖ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

Hoạt động khác: là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ - Giá vốn hàng bán - Chi phí bán hàng - Chi phí quản lý DN

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ - Các khoản giảm trừ doanh thu

+ *Kết quả hoạt động tài chính*

Kết quả hoạt động tài chính = Doanh thu hoạt động tài chính - Chi phí tài chính

+ *Kết quả hoạt động khác:*

Kết quả hoạt động khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi nền kinh tế đất nước ta đang ngày càng phát triển với xu thế hội nhập toàn cầu. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Như vậy, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó cung cấp thông tin số liệu cần thiết giúp nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích đánh giá để đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

+ Đối với các nhà đầu tư: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để các nhà đầu tư đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn.

+ Đối với các trung gian tài chính như Ngân hàng, các công ty cho thuê tài chính: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp điều kiện tiên quyết để họ tiến hành thẩm định, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

+ Đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế: Thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp, phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô được tốt hơn, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

Để phát huy vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế ở doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...

- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.

- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Từ đó, đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời phải theo dõi thật chi tiết tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi vốn kịp thời.

- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.

1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:

1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- *Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng:*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài gián bán (nếu có);

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán ;

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công;

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng;

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời

điểm ghi nhận doanh thu được xác định;

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá;

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

Các phương thức bán hàng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ. Bán trực tiếp bao gồm bán buôn và bán lẻ.

+ Bán buôn: Là quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa chưa được thực hiện. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ Bán lẻ: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên của người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và có quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:* Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo thời điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức bán hàng qua đại lý:* Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:* Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm trả góp. Theo phương thức này, khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành

nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp... Theo phương thức này, doanh nghiệp dùng sản phẩm của mình để trả lương cho cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (đối với những đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản sử dụng:

❖ TK 511 - "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"

Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" có 5 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Kết cấu của tài khoản 511

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;- Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;- K/C doanh thu thuần vào TK 911- "Xác định kết quả kinh doanh".		Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
<i>Tổng phát sinh nợ</i>		<i>Tổng phát sinh có</i>

TK 511 không có số dư cuối kỳ

❖ **TK 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ":**

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

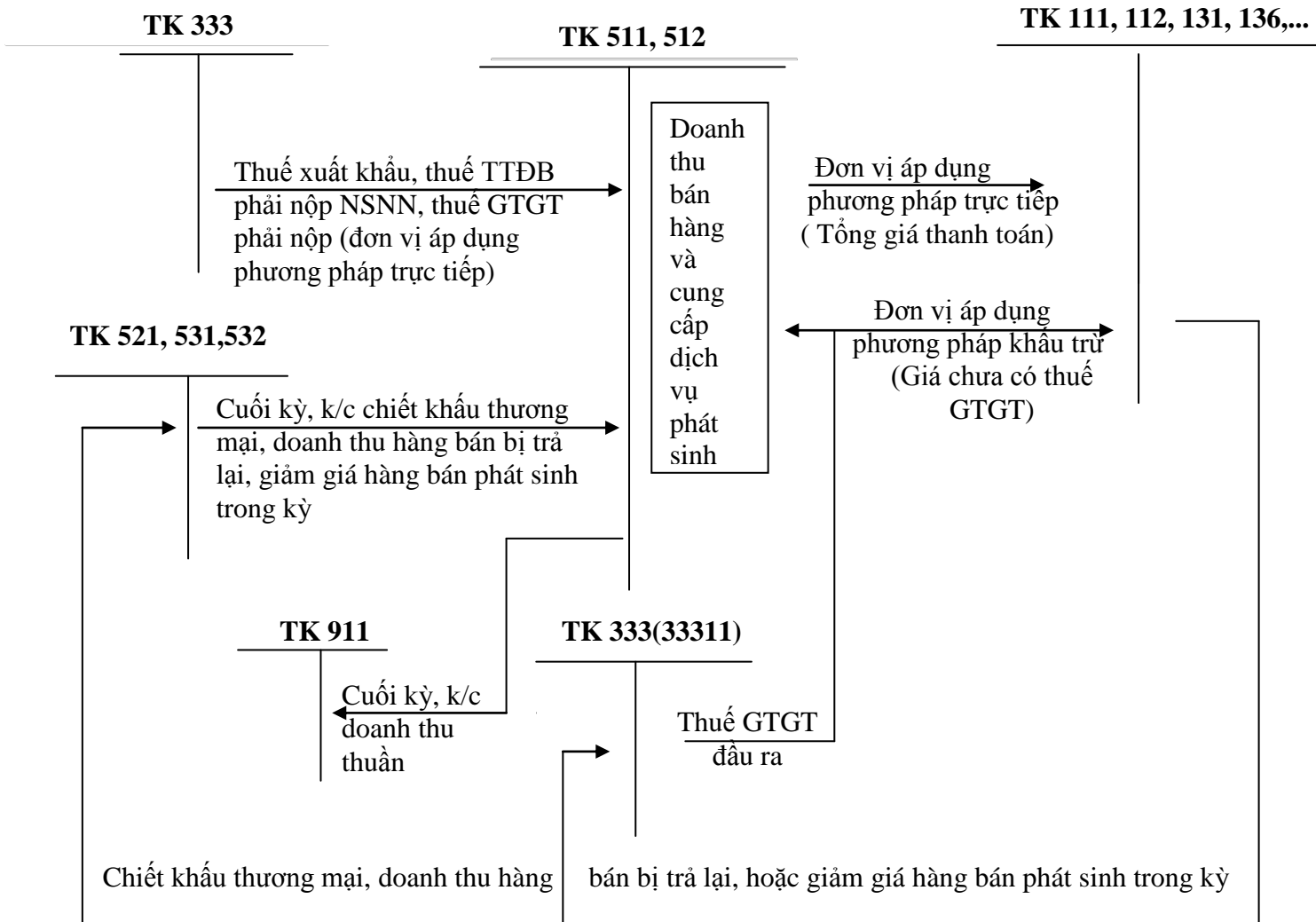
- *Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá*
- *Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm*
- *Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Kết cấu của TK 512

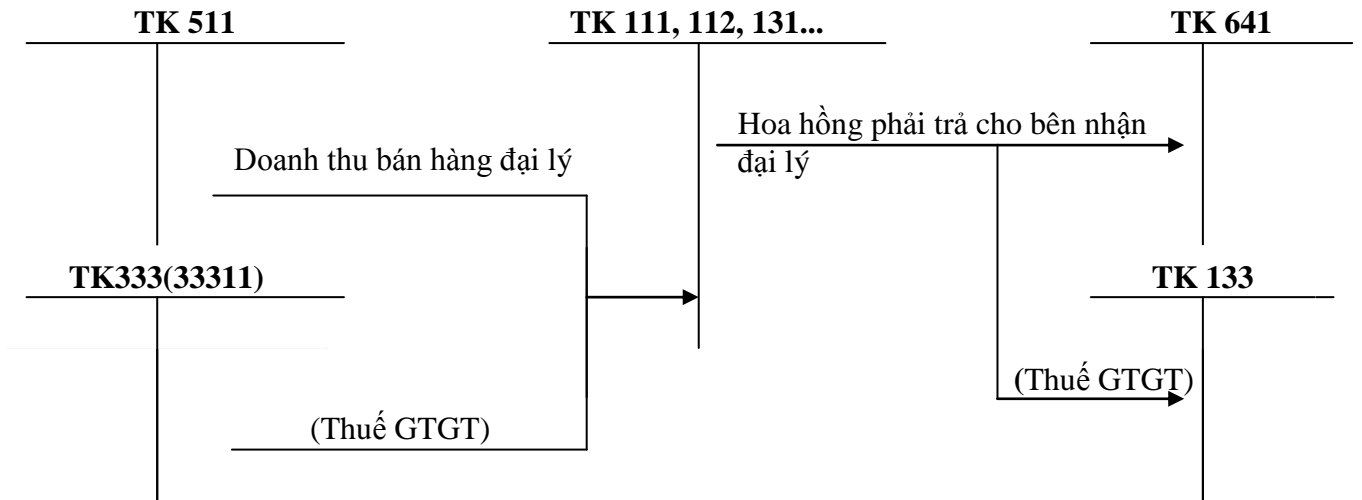
Nợ	TK 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng SP, HH, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán; - Số thuế TTĐB phải nộp theo số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ; - K/c doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 " Xác định kết quả kinh doanh ". 	<p>Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</p>	
<p><i>Tổng số phát sinh nợ</i></p>		<p><i>Tổng số phát sinh có</i></p>

TK 512 không có số dư cuối kỳ

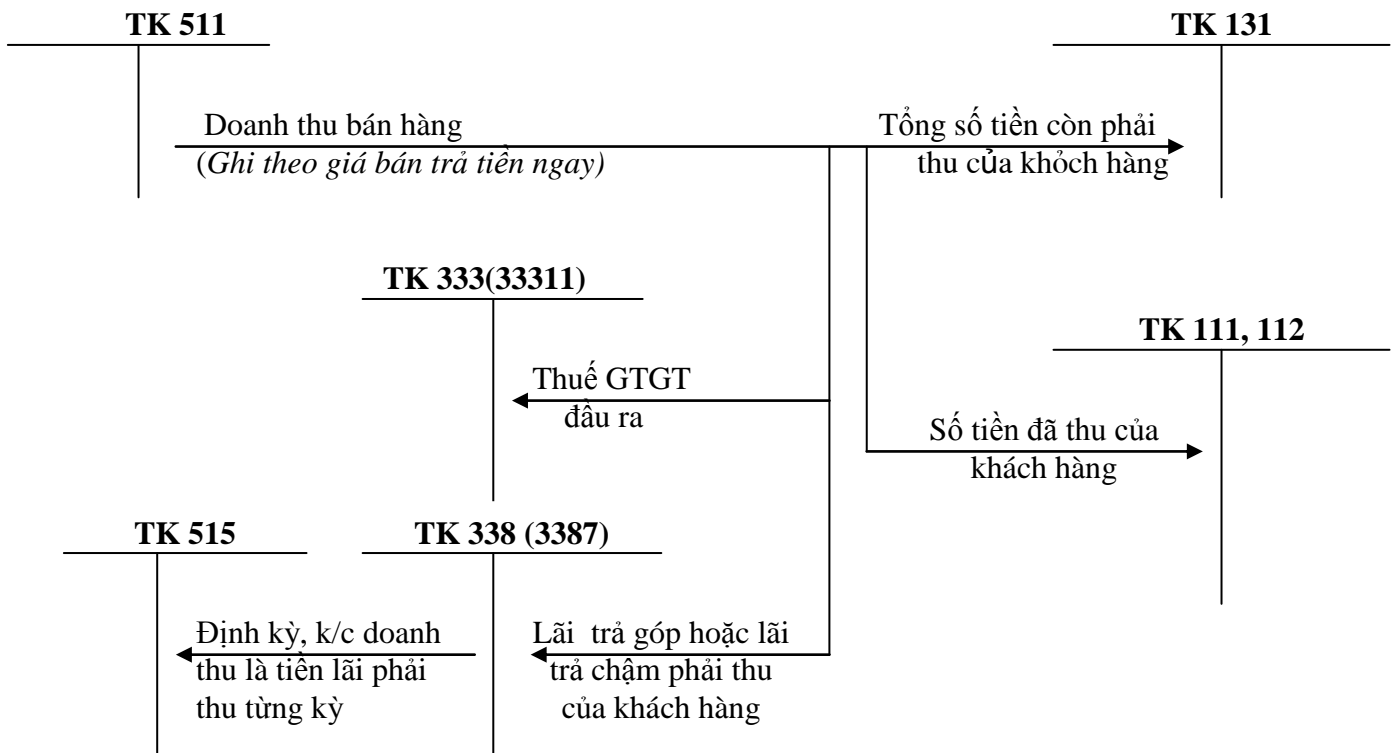
Sơ đồ 1.1. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



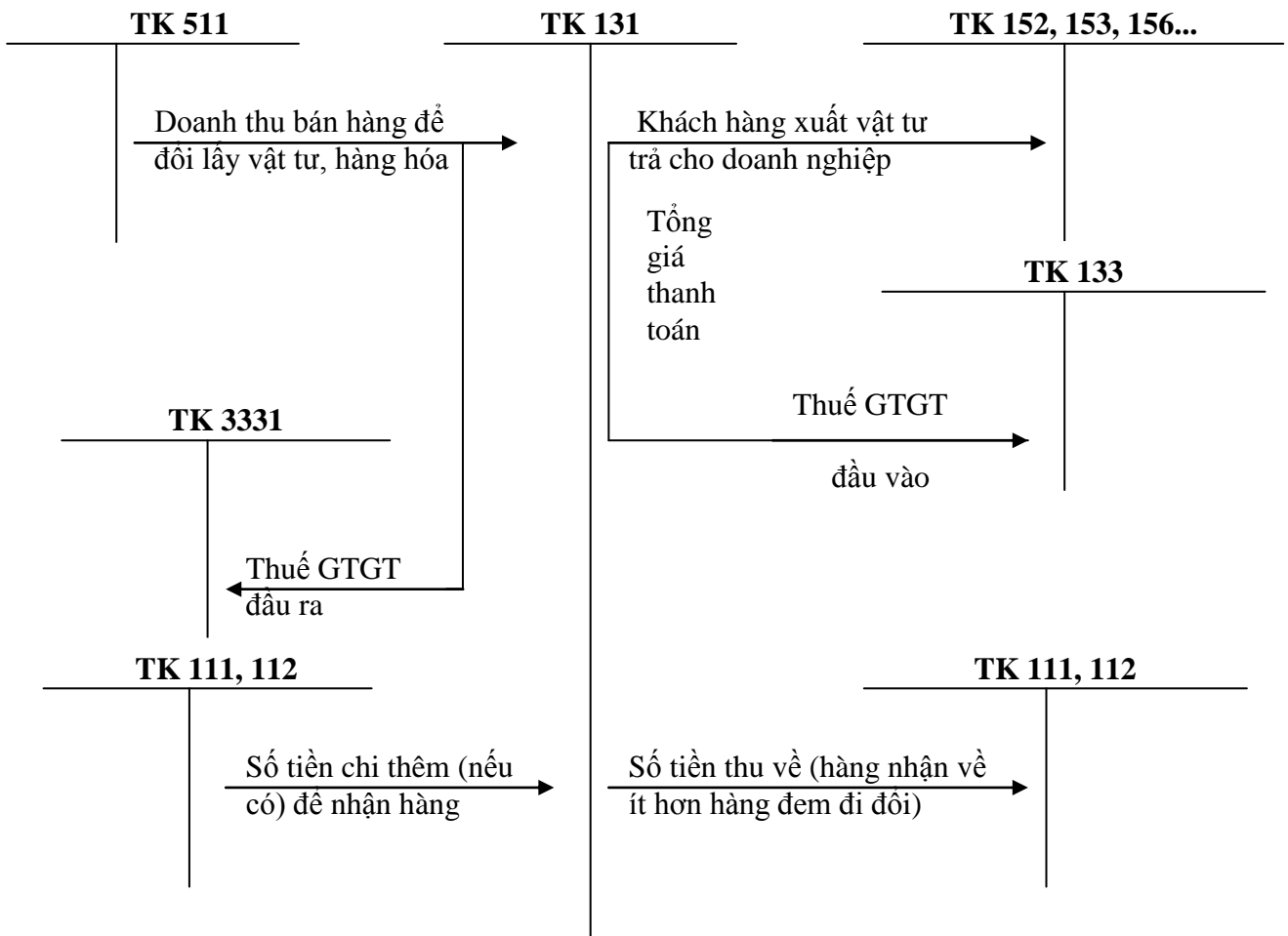
**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**



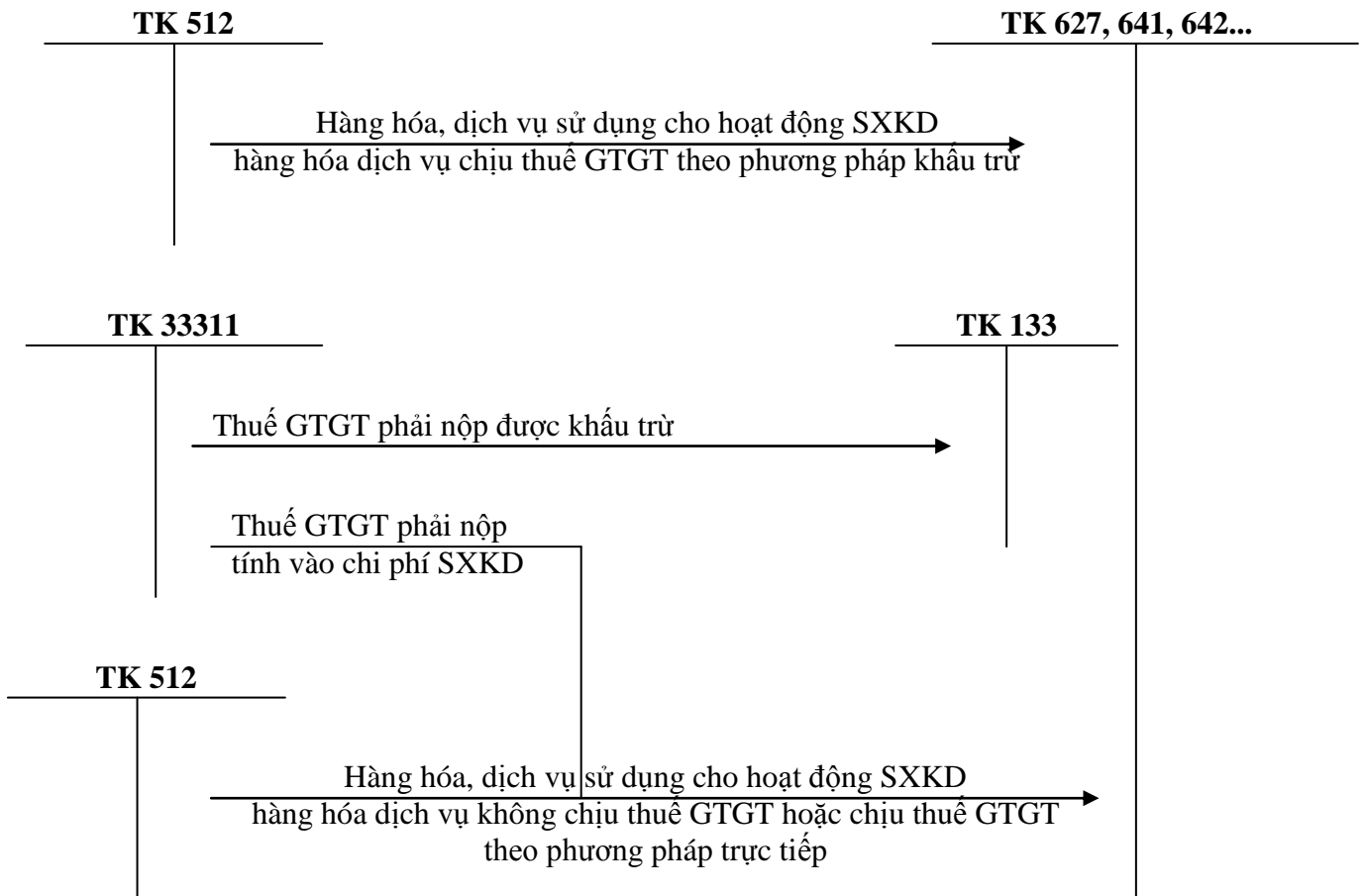
Sơ đồ 1.3: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm trả góp



Sơ đồ 1.4: Kế toán bán hàng theo phương thức trao đổi hàng



Sơ đồ 1.5 : Kế toán bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ



1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại...

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 521 "Chiết khấu thương mại"

- Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hóa
 - Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
 - Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Kết cấu của TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 531 "Hàng bán bị trả lại"**

- Kết cấu của TK 531:

Nợ	TK 531	Có
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.	- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ sang TK 511 hoặc TK 512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 531 không có số dư cuối kỳ

➤ **TK 532 "Giảm giá hàng bán":**

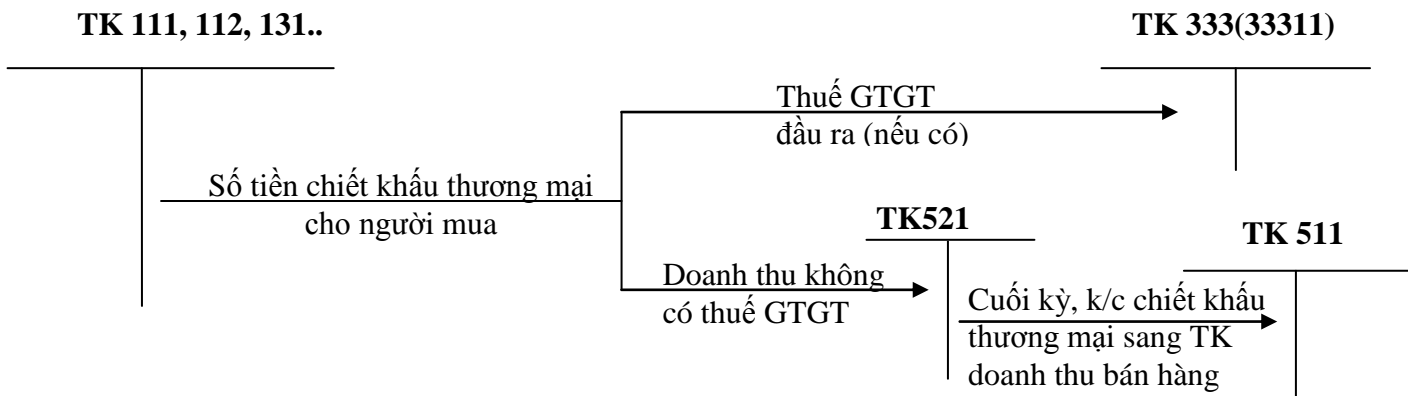
- ✓ Kết cấu của TK 532

Nợ	TK 532	Có
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK 511 hoặc TK 512.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

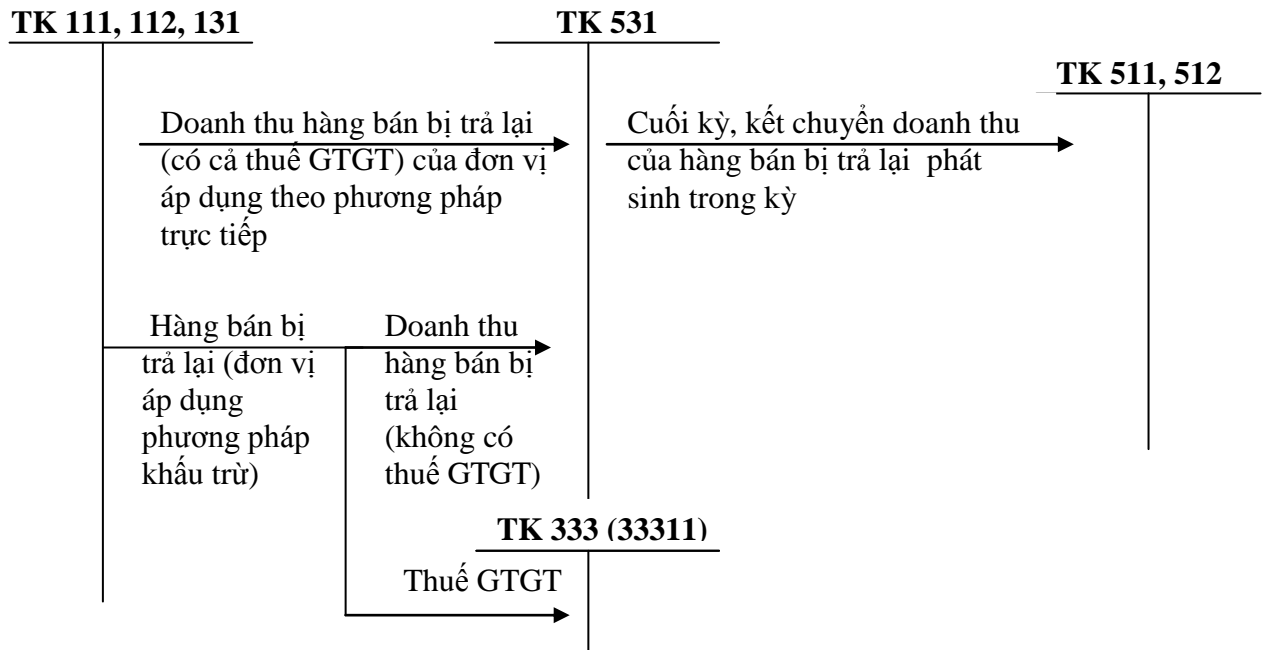
TK 532 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

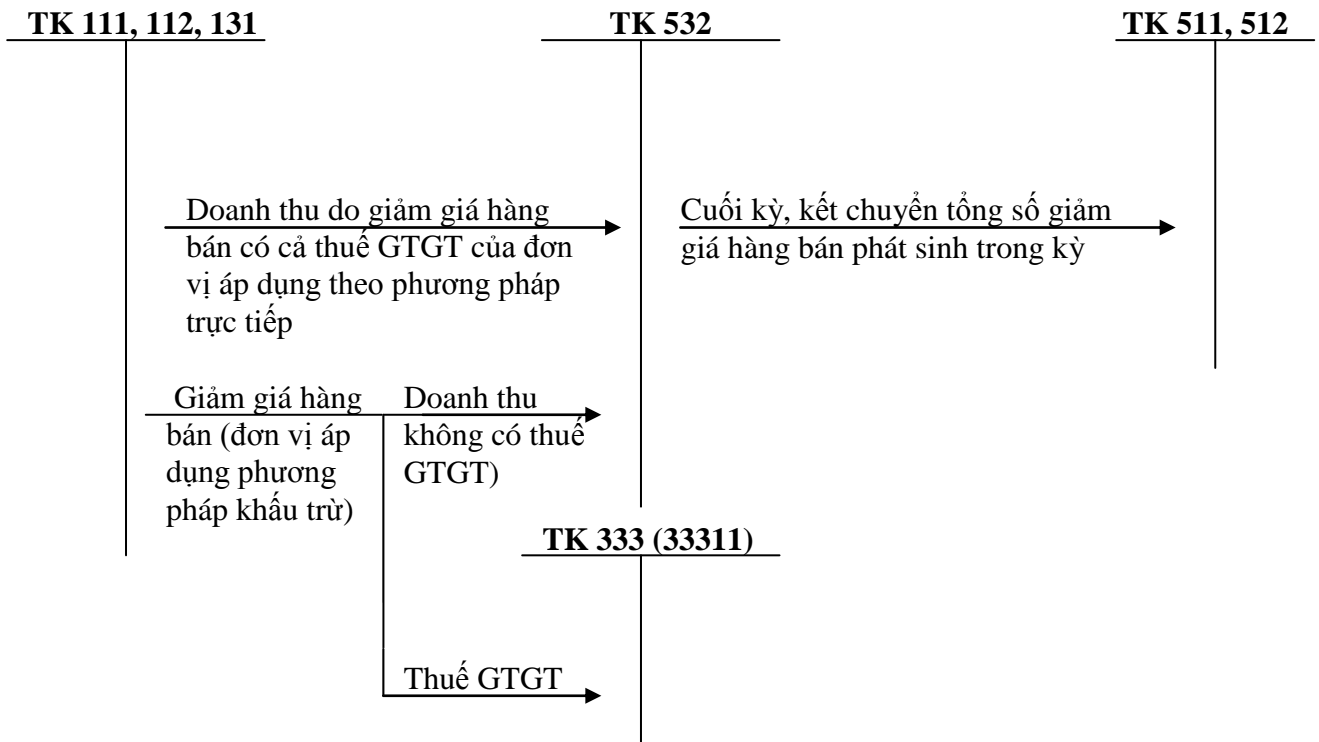
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán chiết khấu thương mại



Sơ đồ 17: Sơ đồ hạch toán hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán



1.4.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo lãi
- Giấy báo có của ngân hàng
- Bản sao kê của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

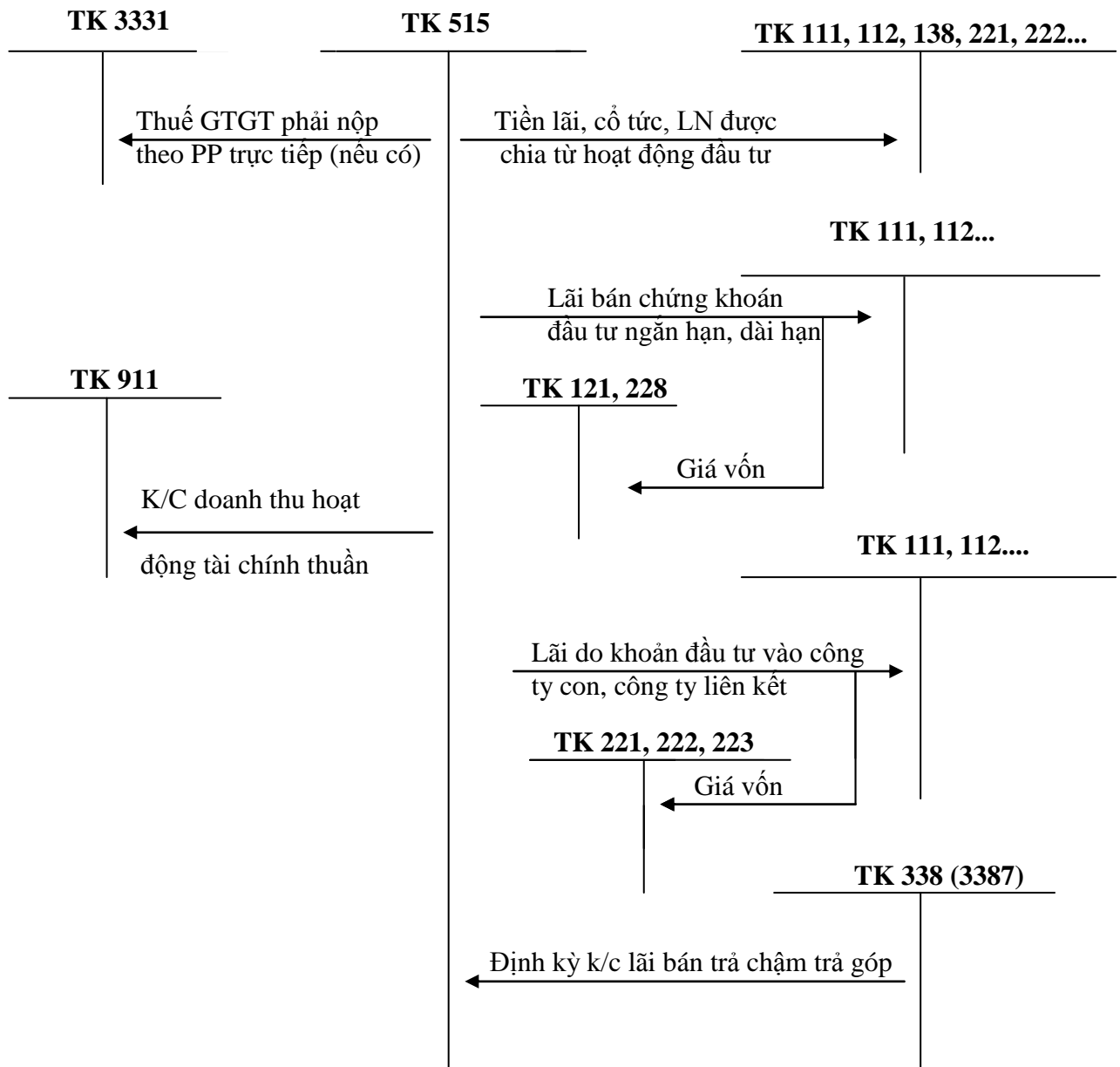
Kết cấu của TK 515:

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”.		<ul style="list-style-type: none">- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;- Chiết khấu thanh toán được hưởng;- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		

TK 515 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1. 6: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.4.1.4. Kế toán thu nhập khác

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác như : Biên bản thanh lý tài sản cố định, Hợp đồng kinh tế...

Tài khoản sử dụng:

TK 711 " Thu nhập khác"

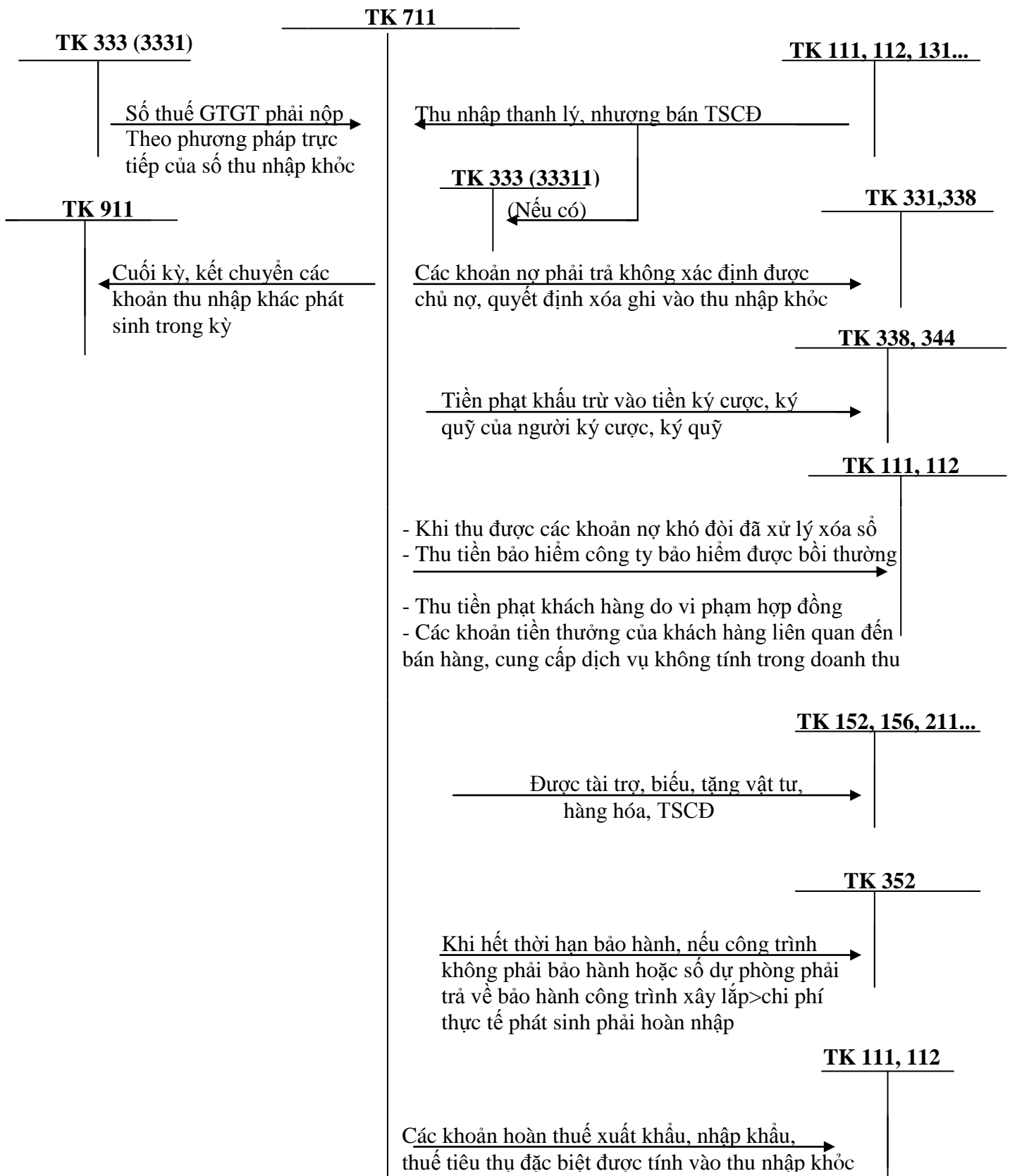
- ✓ Kết cấu của TK 711:

Nợ	TK 711	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;- Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác



1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí

1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:

❖ Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

- Phương pháp bình quân gia quyền:

+ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khá đơn giản, dễ thực hiện, nhưng có nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

+ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của

hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

- *Phương pháp giá thực tế đích danh:*

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 632 " Giá vốn hàng bán "

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

① *Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên*

Kết cấu nội dung TK 632:

Nợ	TK 632	Có
<p>- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ;+ Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;+ Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. <p>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.		<ul style="list-style-type: none">- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

② Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ :

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 - "Mua hàng"

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 .	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

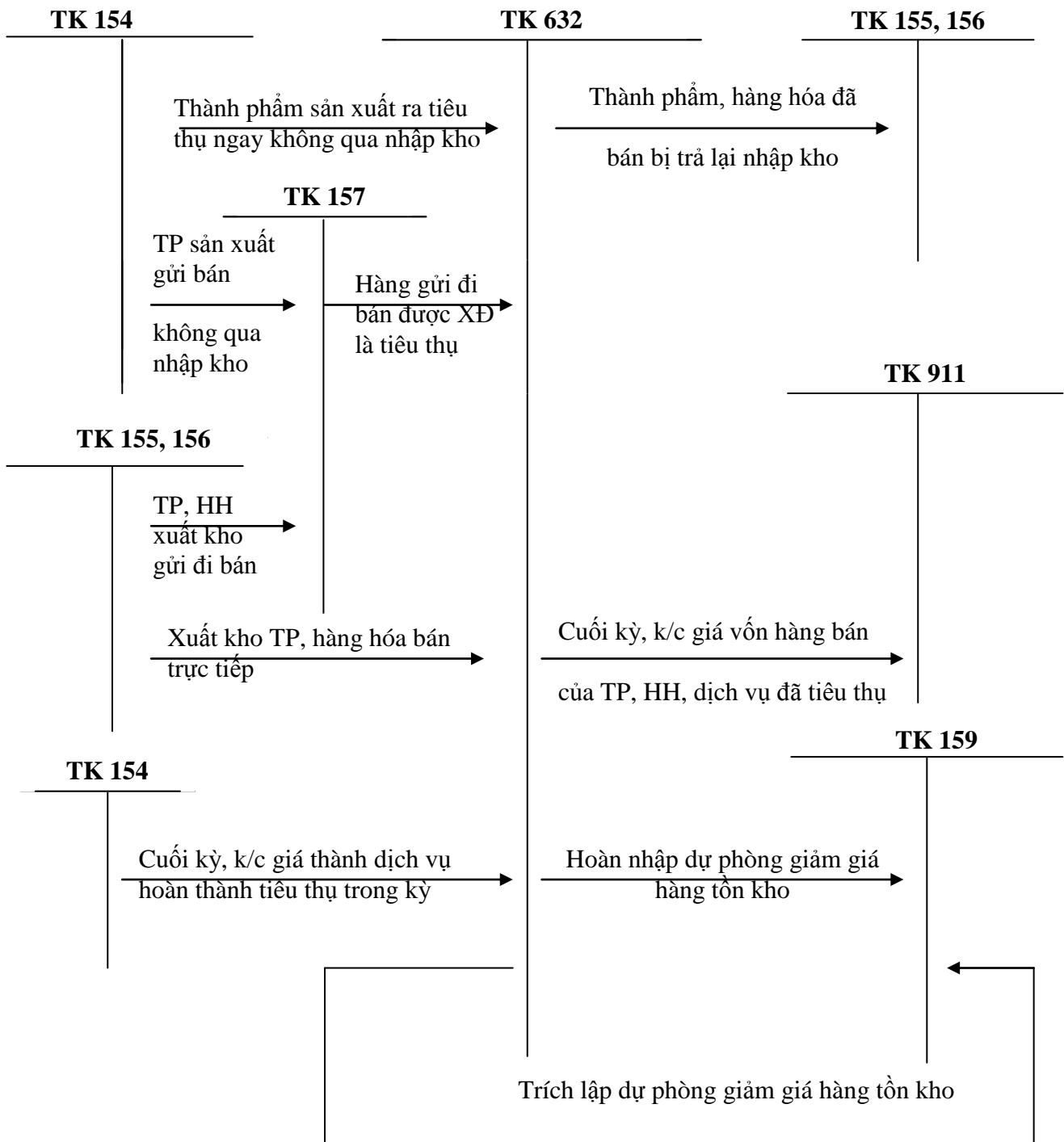
- Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ, kế toán giá vốn hàng bán còn sử dụng thêm tài khoản 631 - "Giá thành sản xuất"

Nợ	TK 632	Có
- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.	- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính ; - K/C giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 .	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

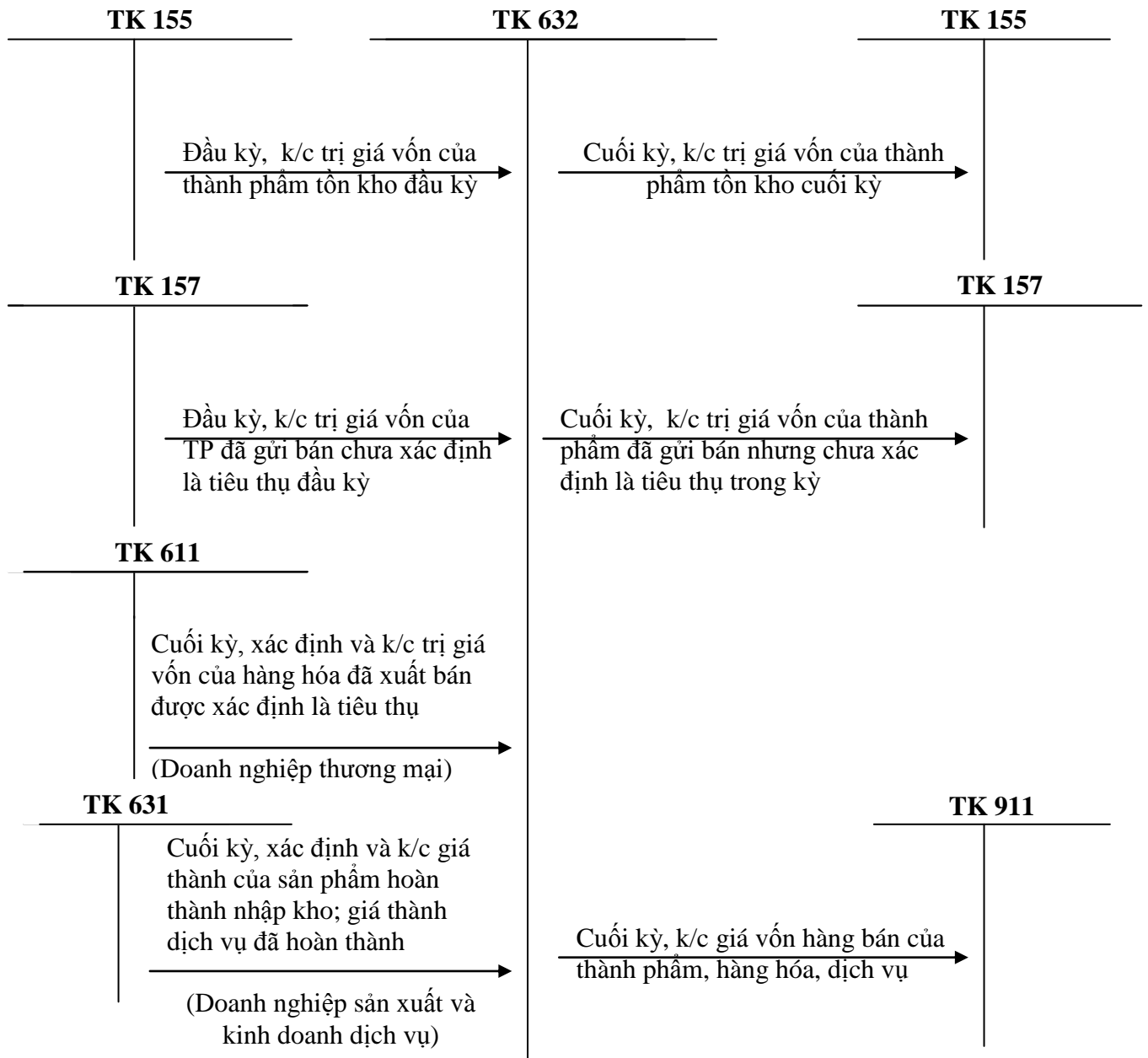
TK 632 không có số dư cuối kỳ

❖ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.10: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.11 : Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kiểm kê định kỳ



1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 - LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 - TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT - 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 - VT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng

❖ **Tài khoản sử dụng:**

TK 641 "Chi phí bán hàng"

✓ Các TK cấp 2:

- + Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên
- + Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- + Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- + Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- + Tài khoản 6415 - Chi phí bảo hành
- + Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác

TK 642 " Chi phí quản lý doanh nghiệp"

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- + TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- + TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- + TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- + TK 6426: Chi phí dự phòng
- + TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

✓ Kết cấu của TK 641, 642

Nợ	TK 641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.		- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

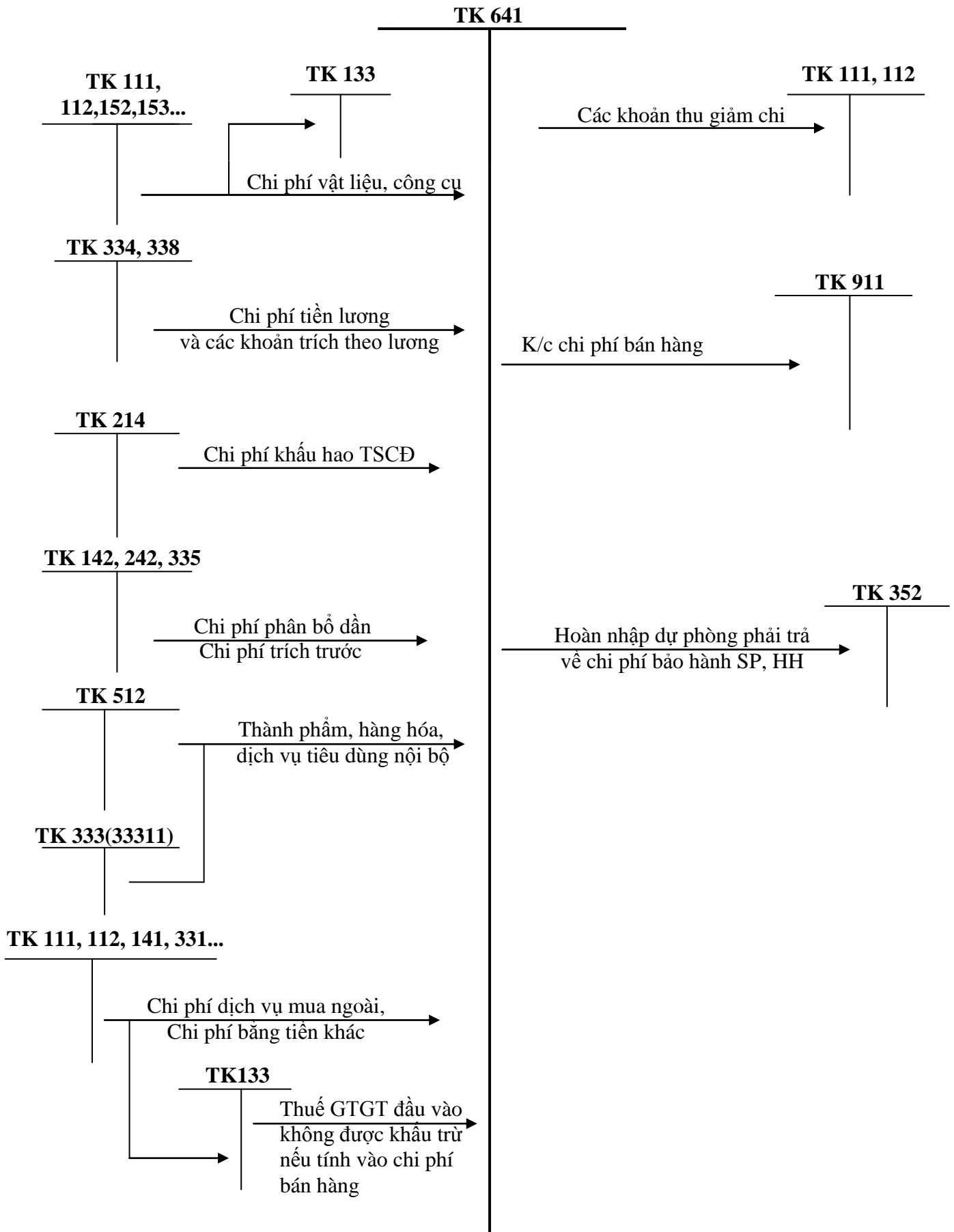
Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Dự phòng trợ cấp mất việc làm.		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết); - Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

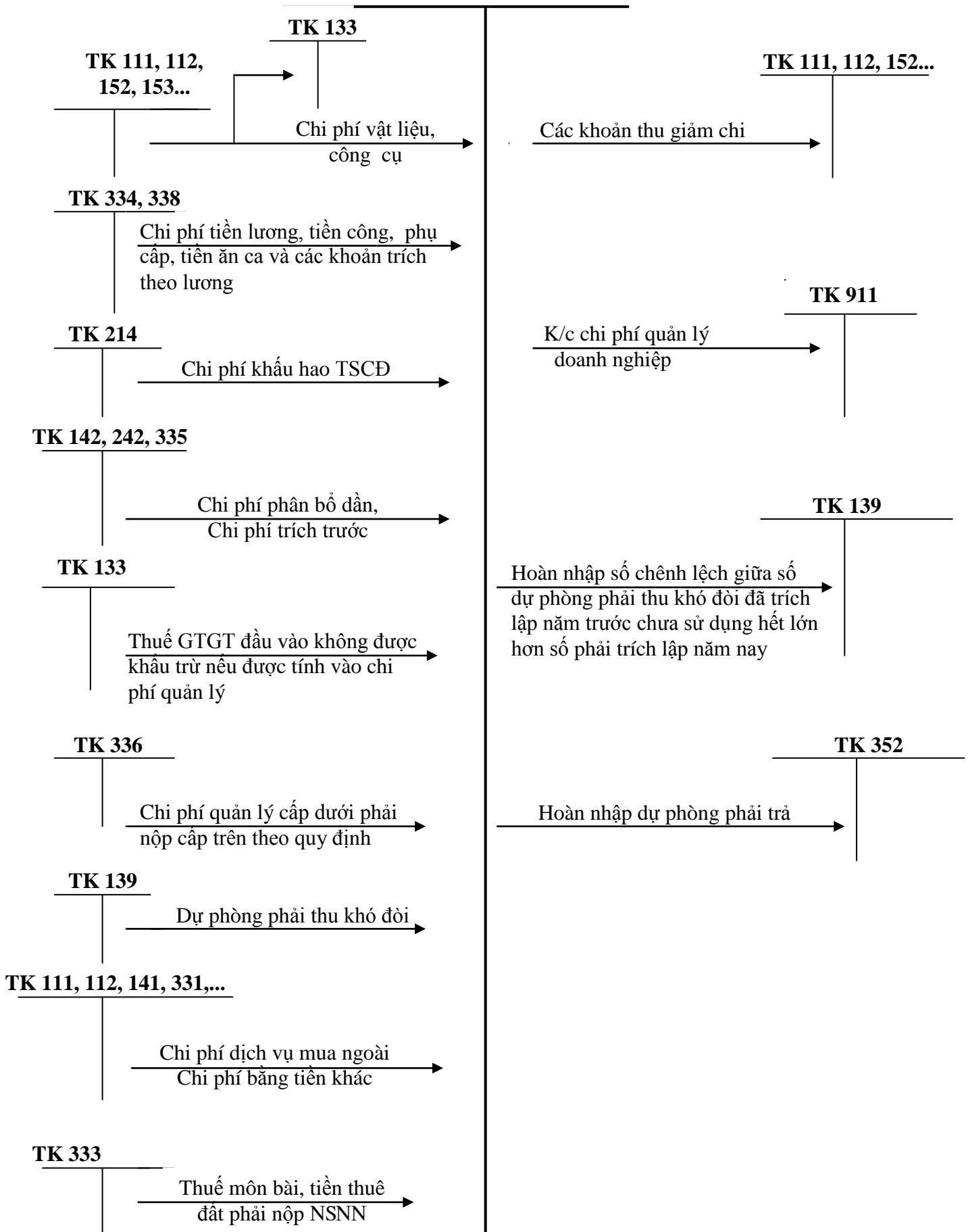
❖ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.12 : Kế toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.13 : Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 642



1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính

❖ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Phiếu kế toán
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

❖ **Tài khoản sử dụng:**

➤ **TK 635: Chi phí tài chính**

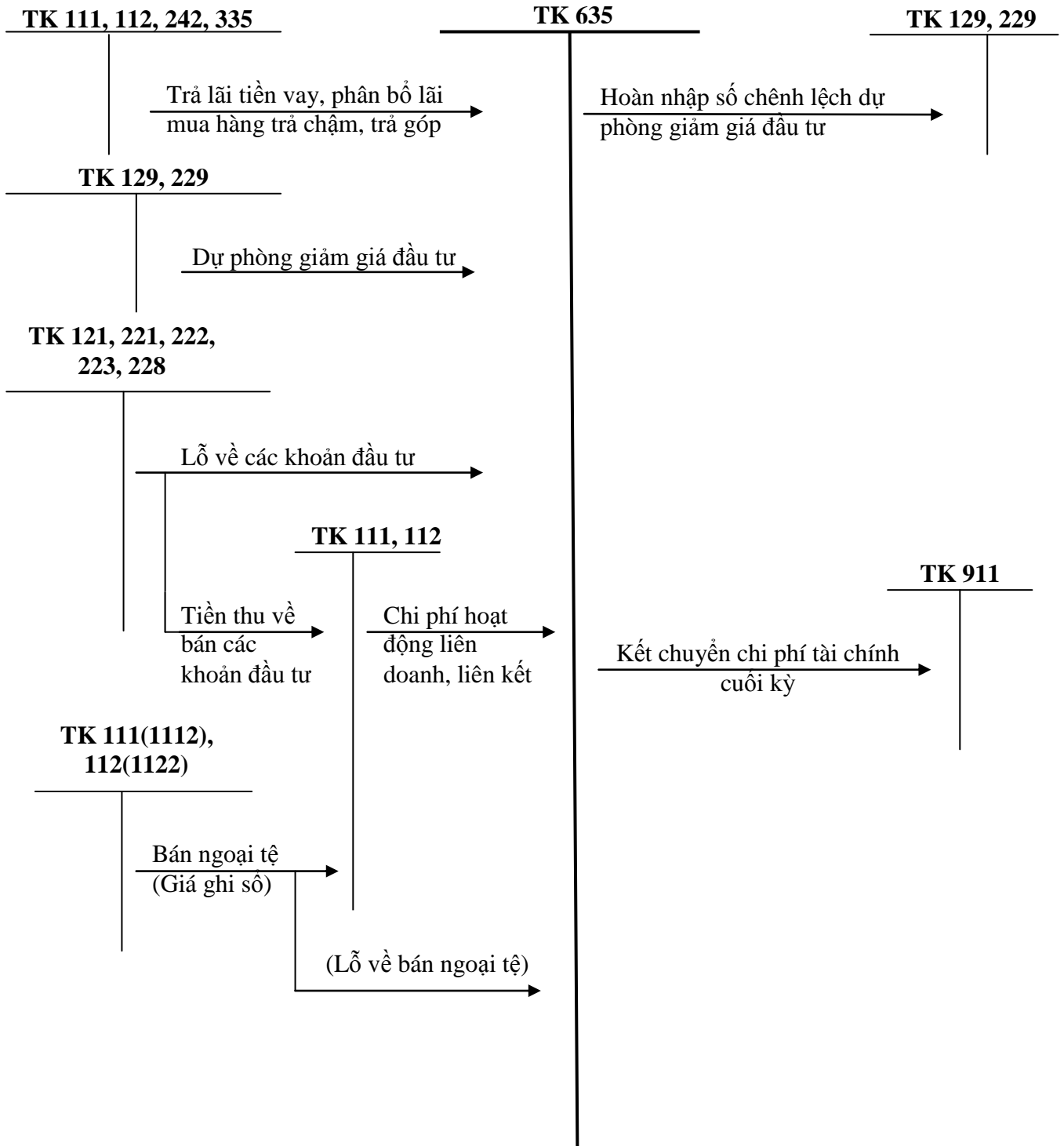
Kết cấu của TK 635

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; - Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh ; - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh ; - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ; - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.14 : Kế toán chi phí tài chính



1.4.2.4. Kế toán chi phí khác:

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

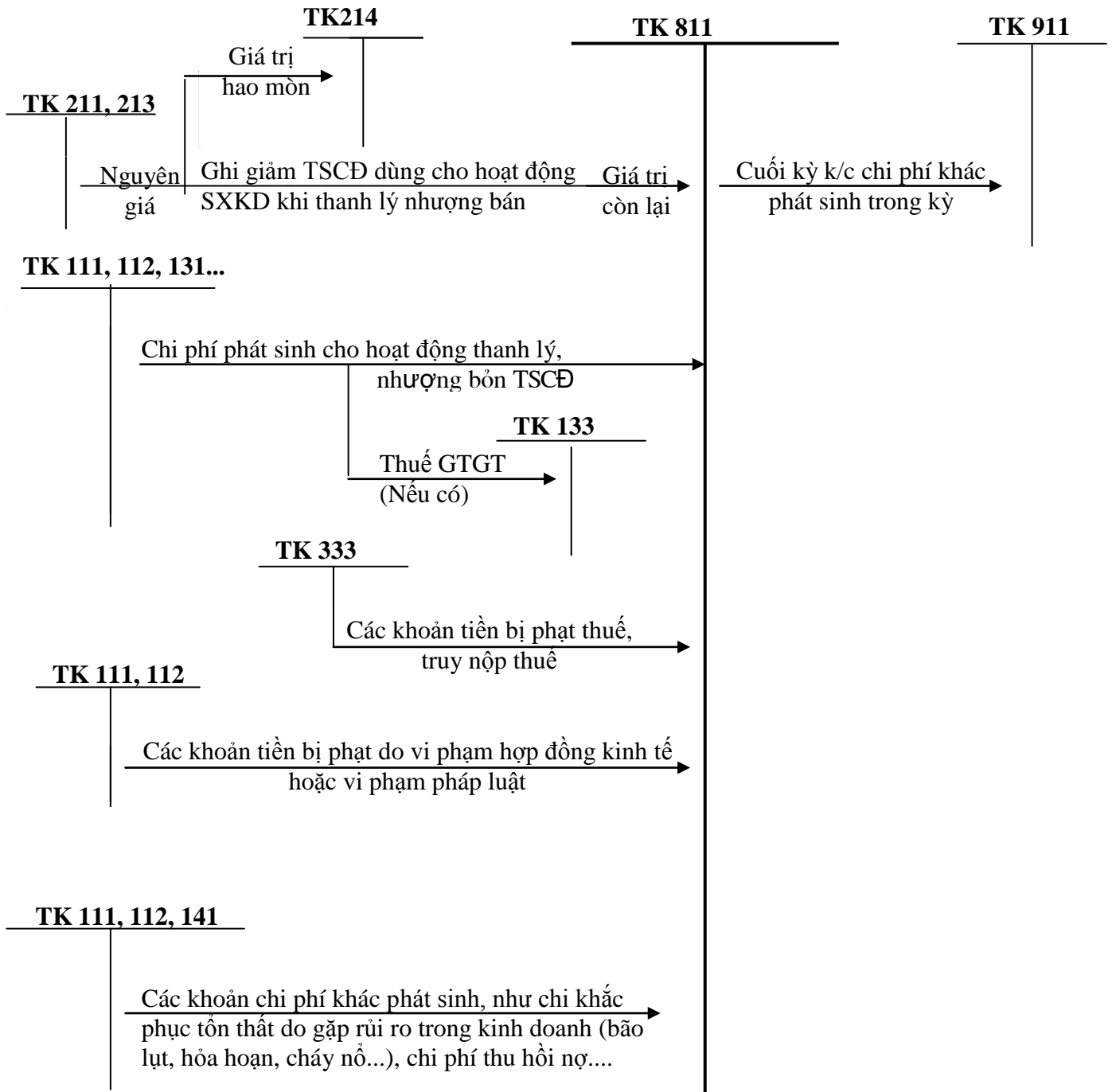
- ✓ Kết cấu của TK 811:

Nợ	TK 811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.15 : Kế toán chi phí khác



1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ liên quan khác

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản sử dụng:

➤ ***TK 821" Chi phí thuế TNDN"***

Kết cấu của TK 821 như sau:

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none">- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm;- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại;- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);- Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 -"Chi phí thuế TNDN hoãn lại" lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Có Tài khoản 911.	<ul style="list-style-type: none">- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm;- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại;- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại ;- Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào Tài khoản 911 ;- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 .	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 821 không có số dư cuối kỳ

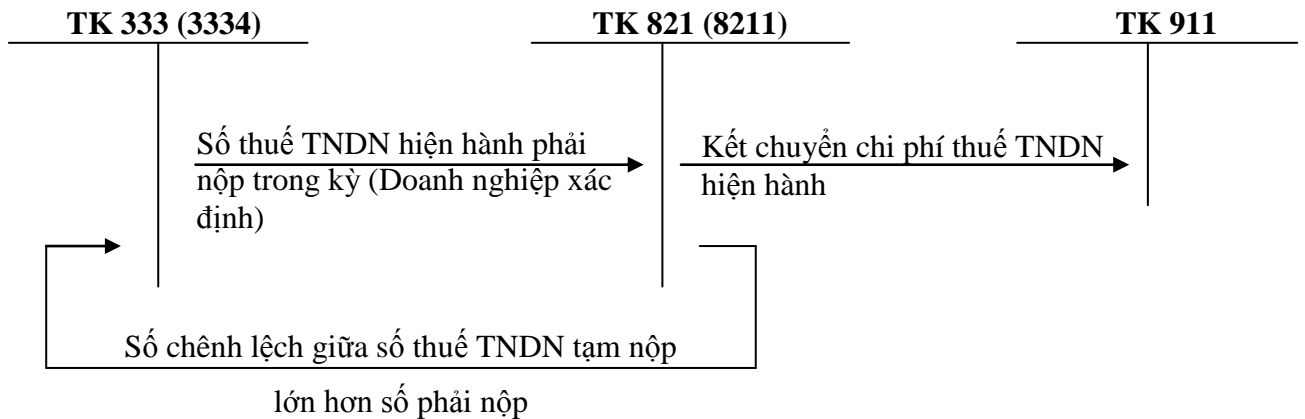
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, có 2 tài khoản cấp 2:

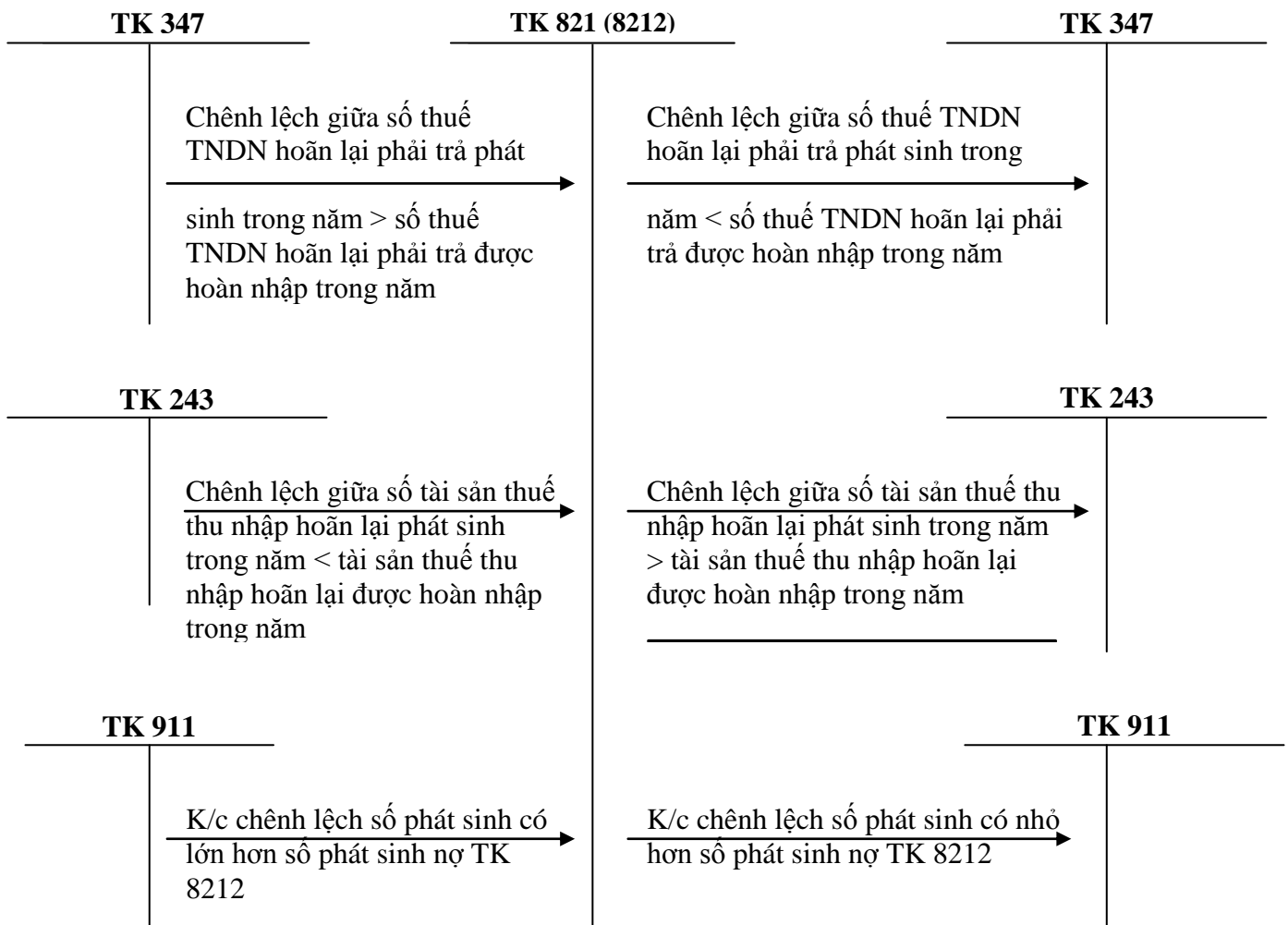
- Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.16: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành



Sơ đồ 1.17: Hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- **TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

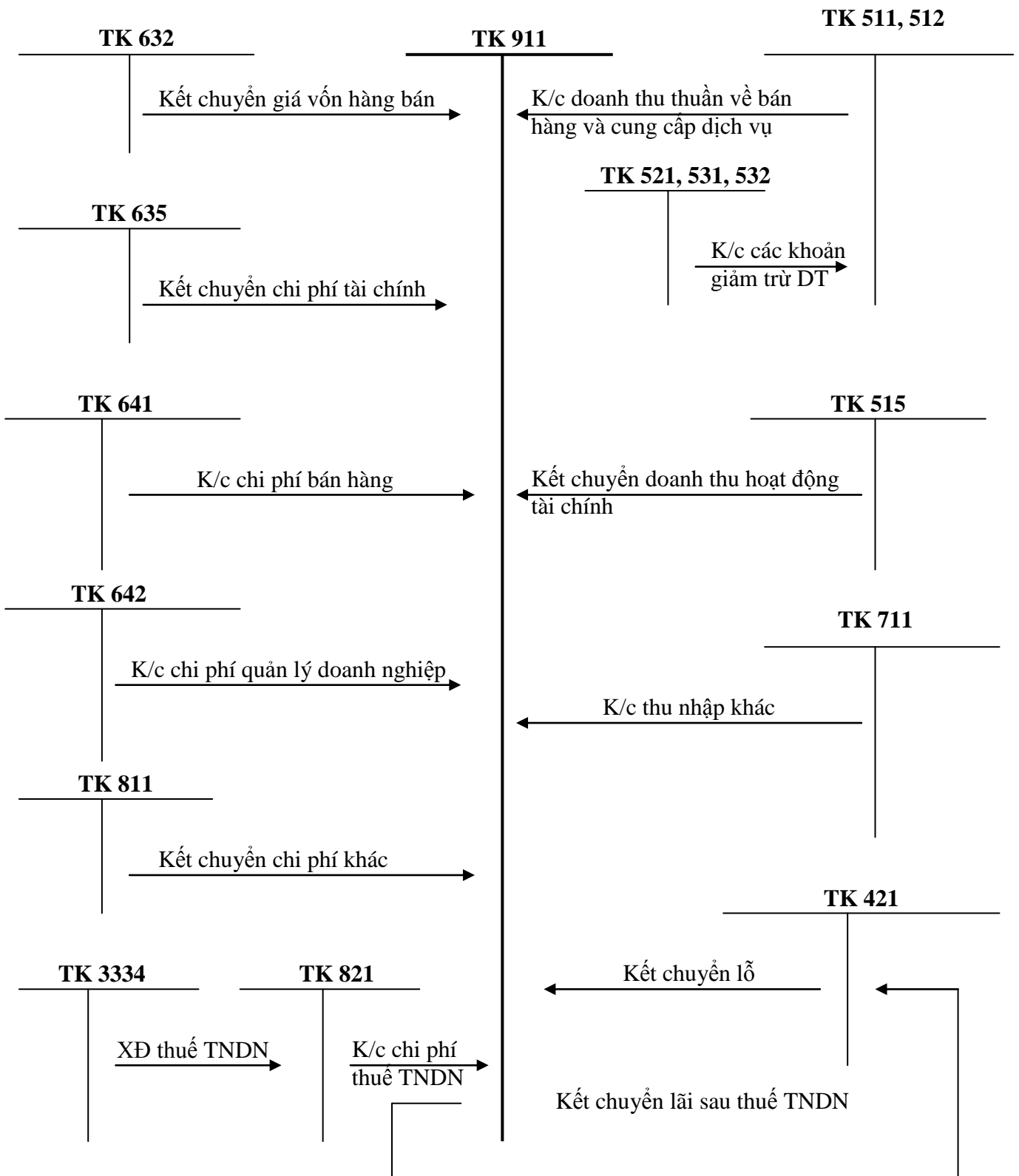
TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

Kết cấu của TK 911 như sau:

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;- Kết chuyển lãi.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;- Kết chuyển lỗ.	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Sơ đồ 1.18: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

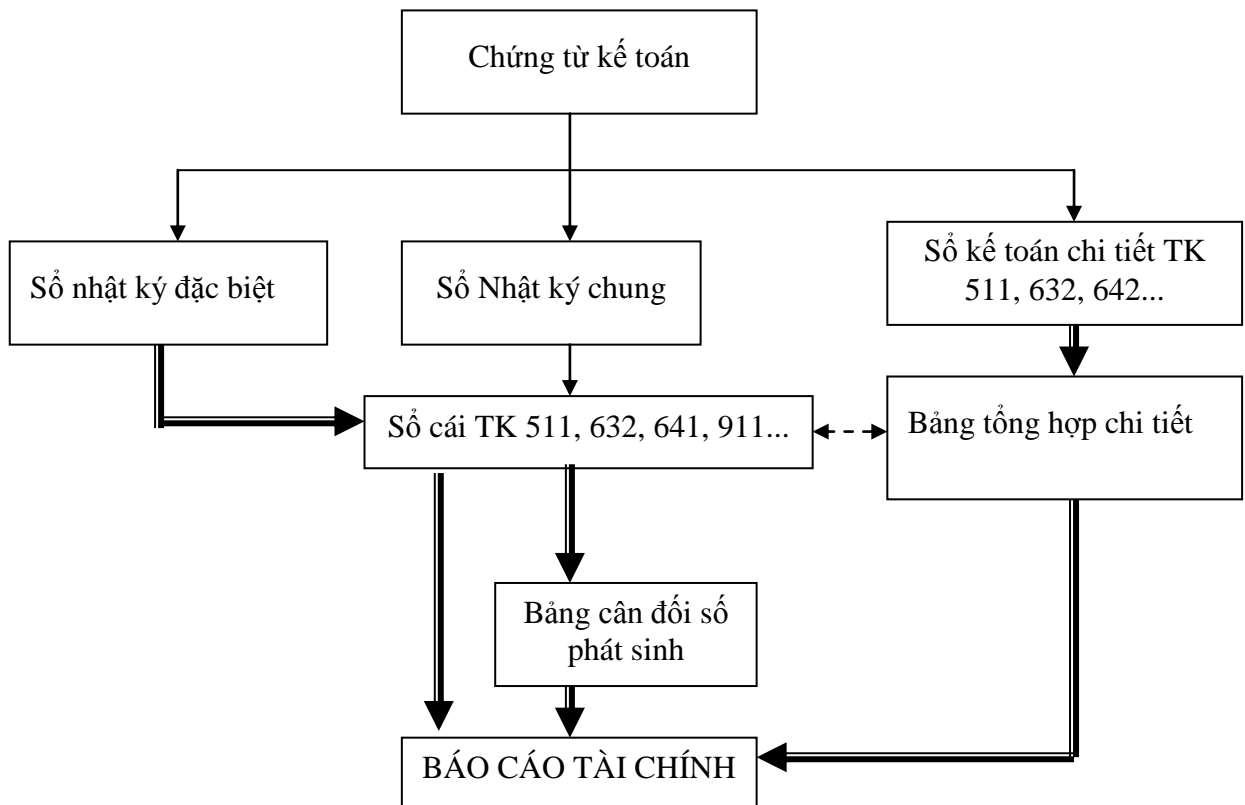
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung:

Đặc trưng cơ bản: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào Sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Các loại sổ chủ yếu:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.19 : Trình tự kế toán theo hình thức Nhật ký chung



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ← - - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

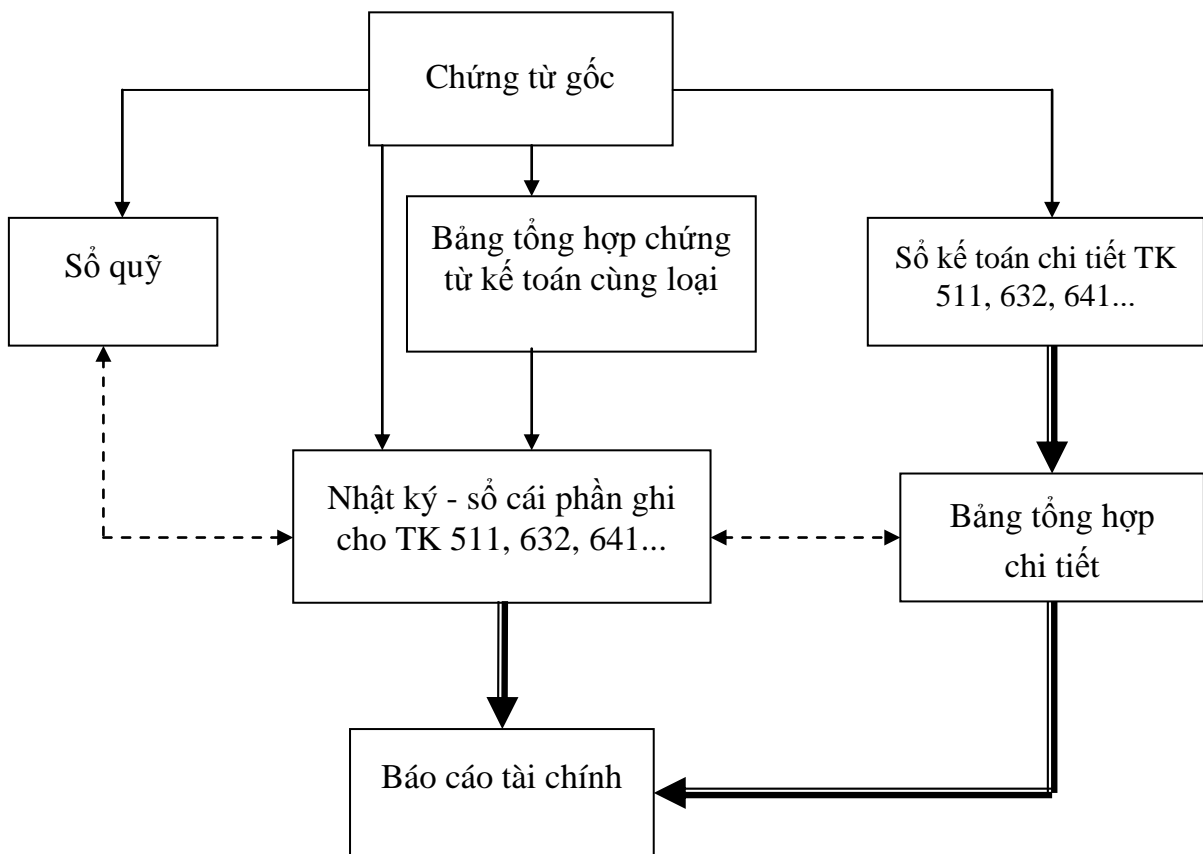
1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái

Đặc trưng cơ bản: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký - Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.20: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký - sổ cái



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←- - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

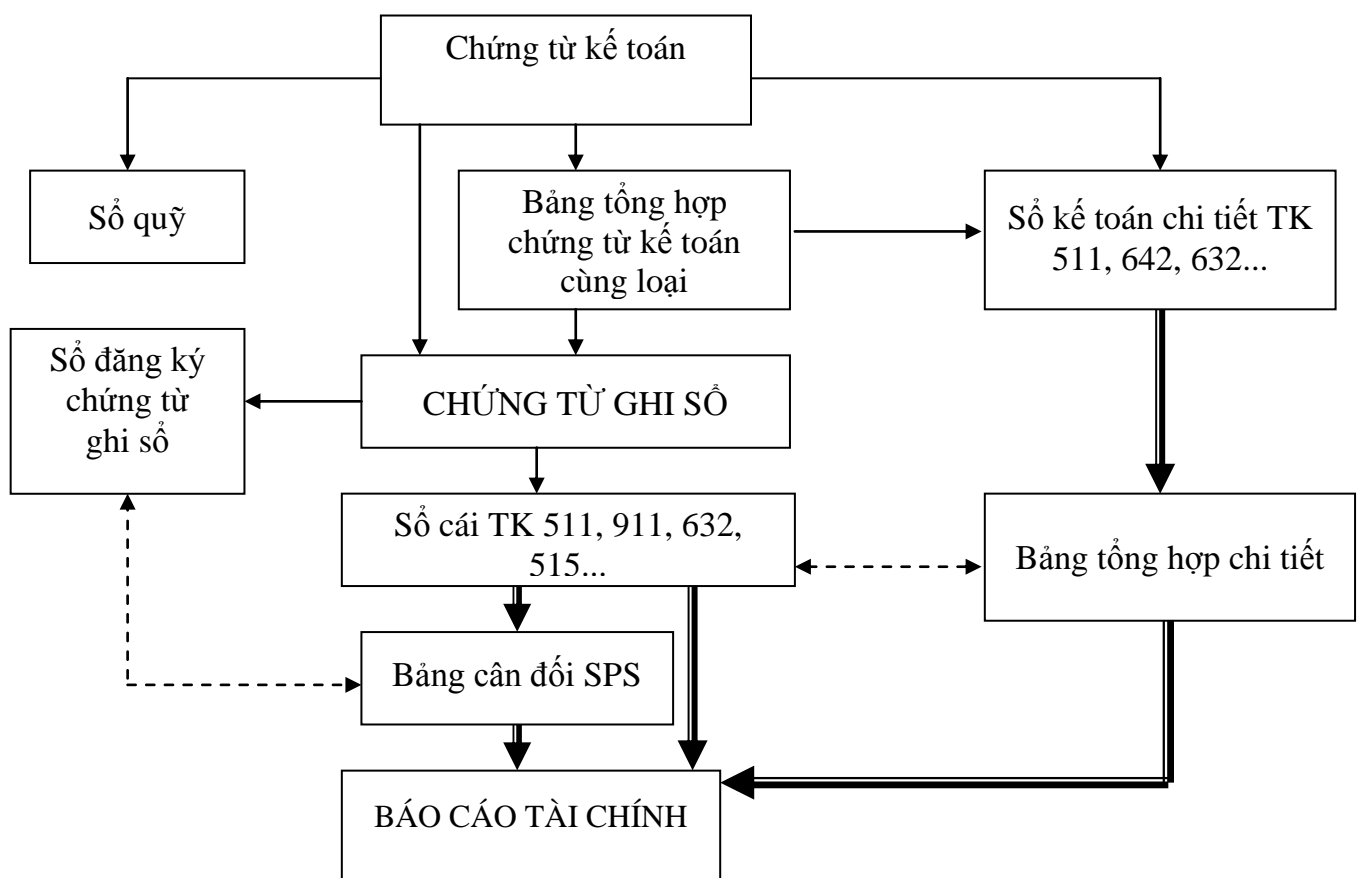
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:

Đặc trưng cơ bản: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là " Chứng từ ghi sổ ".

Các loại sổ chủ yếu:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- Sổ cái;
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.21: Trình tự kế toán theo Hình thức chứng từ ghi sổ



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

1.5.4. Hình thức Nhật ký - chứng từ:

Đặc trưng cơ bản:

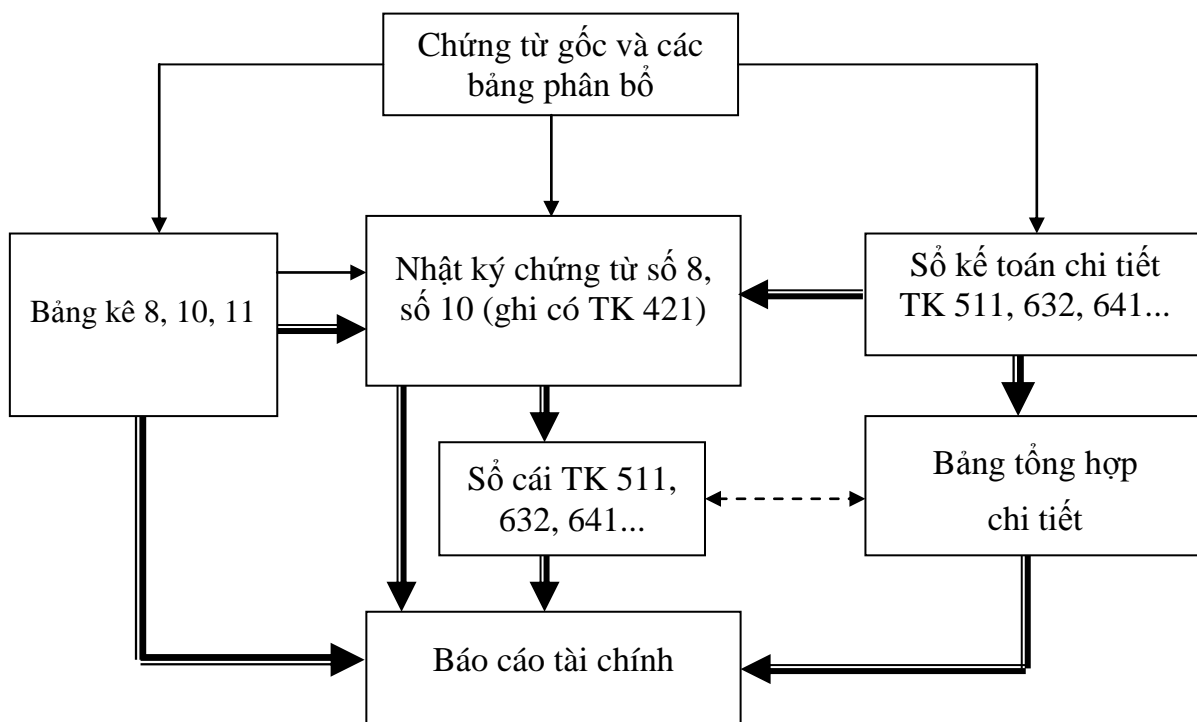
- Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Các loại sổ chủ yếu:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ cái;
- Sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.22: Trình tự kế toán theo Hình thức Nhật ký - chứng từ



- Ghi chú:**
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
 - - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

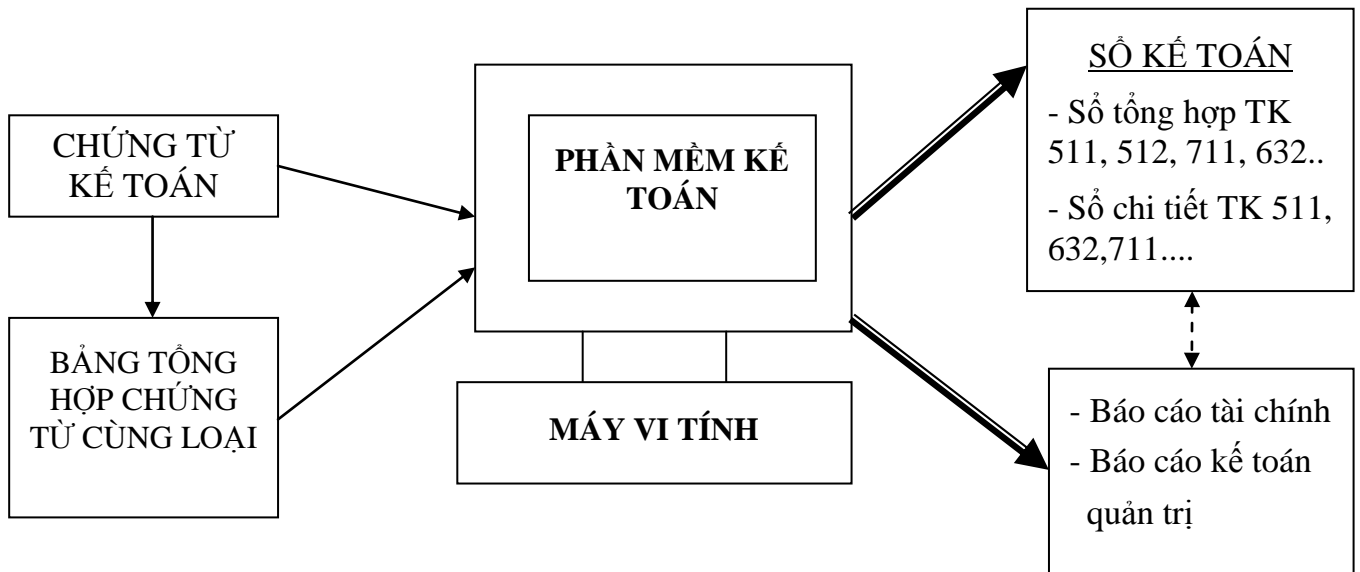
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Đặc trưng cơ bản: Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.23: Trình tự kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH
MAY THIÊN NAM

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH may Thiên Nam

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH may Thiên Nam:

- Tên doanh nghiệp : **THHH MAY THIÊN NAM**
- Tên giao dịch tiếng anh: **thien nam garment co.,ltd**
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH
- Địa chỉ: **km số 3 - Đường Phạm Văn Đồng - Phường Anh Dũng-Dương Kinh –HP**
- Số điện thoại: **0313.581.956**
- Số fax: **0313.581.703.**
- Mã số thuế: 0200593607
- Số tài khoản: 9706349 tại ngân hàng Thương Mại Á Châu - Hải Phòng
- Diện tích đất sử dụng: **24.628,4 m².**

Lịch sử hình thành và phát triển.

Công ty THHH MAY THIÊN NAM được thành lập ngày 22/06/2004 theo giấy phép KD số 02000016 do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp, để phù hợp với sự phát triển và mở rộng năng lực sản xuất và nhân lực công ty đặt trụ sở tại KM số 3 - Đường Phạm Văn Đồng - Phường Anh Dũng-Dương Kinh –HP.

Với số vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 10.000.000.000 VNĐ.

Mặc dù công ty THHH MAY THIÊN NAM là một doanh nghiệp có thời gian hoạt động kinh doanh chưa lâu, nhưng doanh nghiệp đã đạt được những thành công bước đầu trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên trong công ty luôn ý thức được điều đó. Do vậy, dù mới đi vào hoạt động nhưng doanh nghiệp đã xây dựng được lòng tin của khách hàng vào các sản phẩm mà doanh nghiệp cung cấp.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

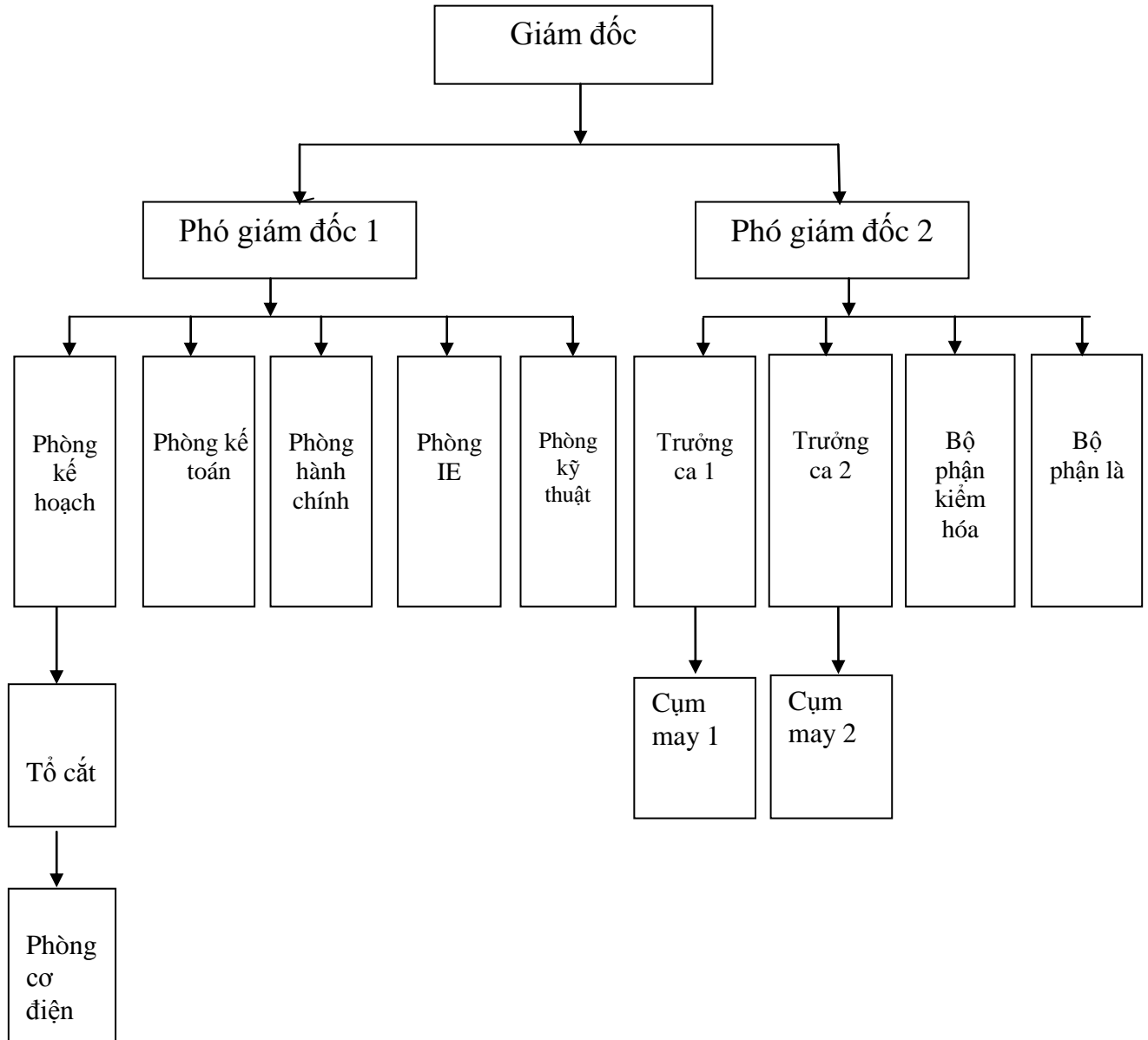
Lĩnh vực kinh doanh của công ty là:

- Gia công hàng may mặc chủ yếu là áo sơ mi, quần soóc nam...
- Sản xuất và kinh doanh thùng Carton
- Kinh doanh thương mại, vật tư máy móc, thiết bị ngành dệt may.

- Tiếp nhận đầu tư xuất nhập khẩu uỷ thác, làm đại lý mua bán ký gửi hàng hoá.

2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH may Thiên Nam

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận:

***Giám đốc công ty:** Nguyễn Thị Thiên Lý.

-Nhiệm vụ: chịu trách nhiệm chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, xây dựng kế hoạch, chiến lược cho công ty.

-Trực tiếp điều hành về mặt quản lý nhân sự, kinh doanh, thị trường, bậc lương...của công ty và chịu trách nhiệm trước toàn thể cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp.

***Phó giám đốc 1:** Phạm Anh Phương.

-Chịu sự quản lý của giám đốc, thay mặt giám đốc kiểm soát toàn bộ hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ kế hoạch được đề ra. Thường xuyên báo cáo với giám đốc về công việc mà mình đảm nhiệm.

***Phó giám đốc 2:** Trần Thị Minh Phương.

-Trực tiếp điều hành sản xuất, quản lý sử dụng lao động, kỹ thuật, vật tư thiết bị, kiểm tra chất lượng sản phẩm, an toàn lao động...chịu trách nhiệm những phần công việc được phân công trước giám đốc và công ty. Thường xuyên báo cáo với giám đốc về các công việc mình được phân công và phụ trách.

***Phòng kế hoạch**

- Có chức năng tham mưu giúp giám đốc trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, hợp đồng kinh tế, kế hoạch sản xuất, thiết bị thi công, cung ứng vật tư, tổ chức hệ thống quản lý kho tàng của công ty.

***Phòng hành chính**

- Có chức năng tham mưu cho giám đốc công ty trong lĩnh vực quản lý nhân sự, sắp xếp, cải tiến tổ chức quản lý, bồi dưỡng, đào tạo và tuyển dụng lao động. Thực hiện chức năng lao động tiền lương và quản lý hành chính văn phòng của công ty.

***Phòng kế toán:**

- Chịu trách nhiệm về công tác tài chính kế toán, đảm bảo phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tham mưu cho giám đốc về hiệu quả của đồng vốn cũng như trong việc lựa chọn và quyết định các phương án kinh doanh.

***Phòng kỹ thuật:** đảm bảo công tác xuất nhập khẩu cho công ty, giao nhận hàng hóa, giám sát chất lượng hàng hóa,...

***Phòng IE**

- Chịu sự quản lý của phó giám đốc1, làm nhiệm vụ nghiên cứu, cải tiến các thao tác, tổ chức, thiết bị sản xuất...tại công ty.

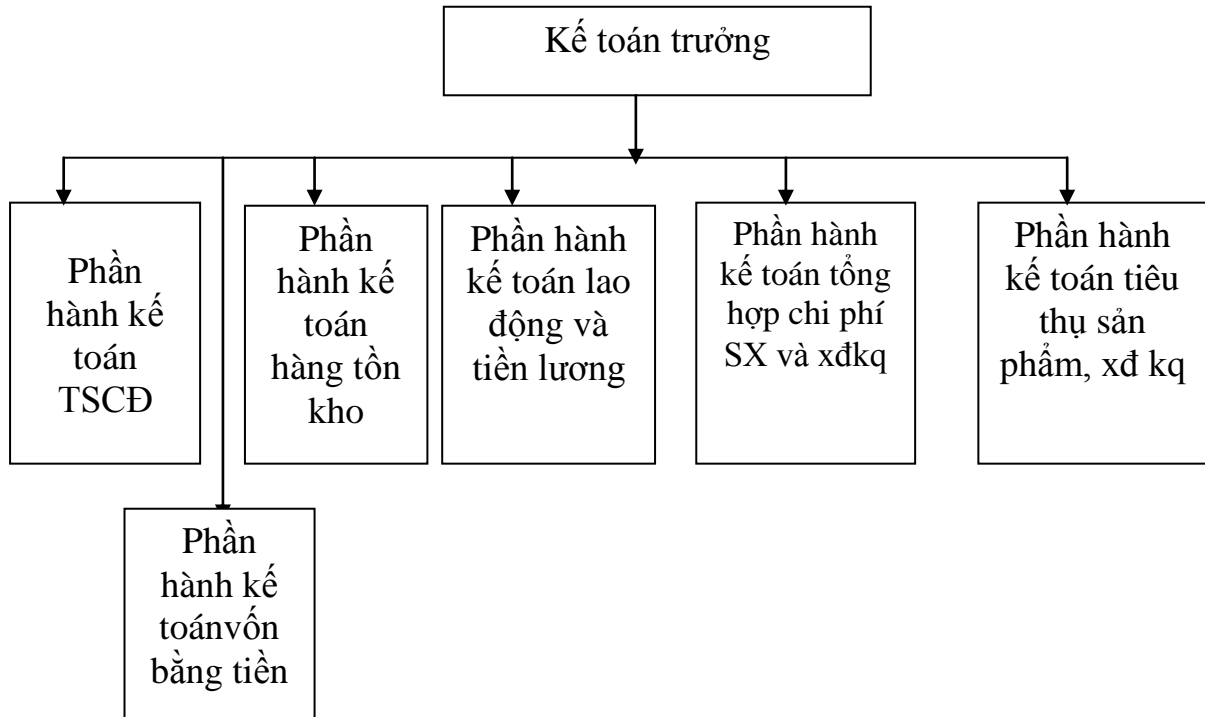
**Ngoài ra còn có các tổ cắt, là, cụm may1, cụm may 2 , kiểm hoá ... chịu trách nhiệm trực tiếp sản xuất ra các sản phẩm cho công ty.*

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH may Thiên Nam

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH may Thiên Nam

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến toàn công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý các chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty



***Phần hành kế toán vốn bằng tiền:**

- Hàng ngày phản ánh tình hình thu chi và tồn quỹ tiền mặt. thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách, phát hiện và xử lý kịp thời sai sót trong việc quản lý và sử dụng tiền mặt.

- Phản ánh tình hình tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

***Phần hành kế toán TSCĐ:**

- Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng của TSCĐ trong phạm vi doanh nghiệp cũng như từng bộ phận sử dụng TSCĐ, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng doanh nghiệp.

- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của TSCĐ.

- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, tập hợp chính xác và phân bổ hợp lý chi phí sửa chữa TSCĐ vào chi phí kinh doanh.

****Phần hành kế toán hàng tồn kho:**

- Ghi chép tính toán phản ánh trung thực kịp thời số lượng chất lượng và giá thành thực tế của nguyên nhiên phụ liệu, CCDC, thành phẩm nhập kho.

- Tập hợp và phản ánh đầy đủ chính xác kịp thời số lượng và giá trị nguyên nhiên phụ liệu, CCDC xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao.

- Phân bổ hợp lý giá trị nguyên nhiên phụ liệu, CCDC vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm.

- Tính toán phản ánh chính xác số lượng giá trị tồn kho, phát hiện kịp thời thừa thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để có biện pháp xử lý kịp thời.

*** Phần hành kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương:**

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về số lượng lao động, thời gian, kết quả lao động, tính lương và trích các khoản theo lương, phân bổ chi phí nhân công theo đúng đối tượng sử dụng lao động.

- Hạch toán lao động tiền lương theo đúng chế độ phương pháp.

- Theo dõi tình hình thanh toán tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, trợ cấp cho người lao động.

*** Phần hành kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

- Tập hợp chi phí sản xuất tiến hành theo một trình tự hợp lý, khoa học để có thể tính giá thành sản phẩm một cách chính xác kịp thời.

- Tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng hạch toán. phân bổ chi phí hợp lý cho từng sản phẩm có liên quan.

- Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, xác định ra tổng giá thành và giá thành sản phẩm đơn vị.

*** Phần hành kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh**

- Phản ánh chính xác tình hình xuất bán thành phẩm, tính chính xác các khoản bị giảm trừ và thanh toán với ngân sách các khoản thuế phải nộp.

- Tính toán chính xác các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, quá trình quản lý doanh nghiệp, quá trình hoạt động tài chính.

- Xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty TNHH may Thiên Nam

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Hình thức kế toán áp dụng là hình thức: **Nhật Ký Chung**

- Niên độ kế toán ở Công ty là một năm, ngày bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc là ngày 31/12 hàng năm.

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: Công ty tính trị giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỹ dự trữ.

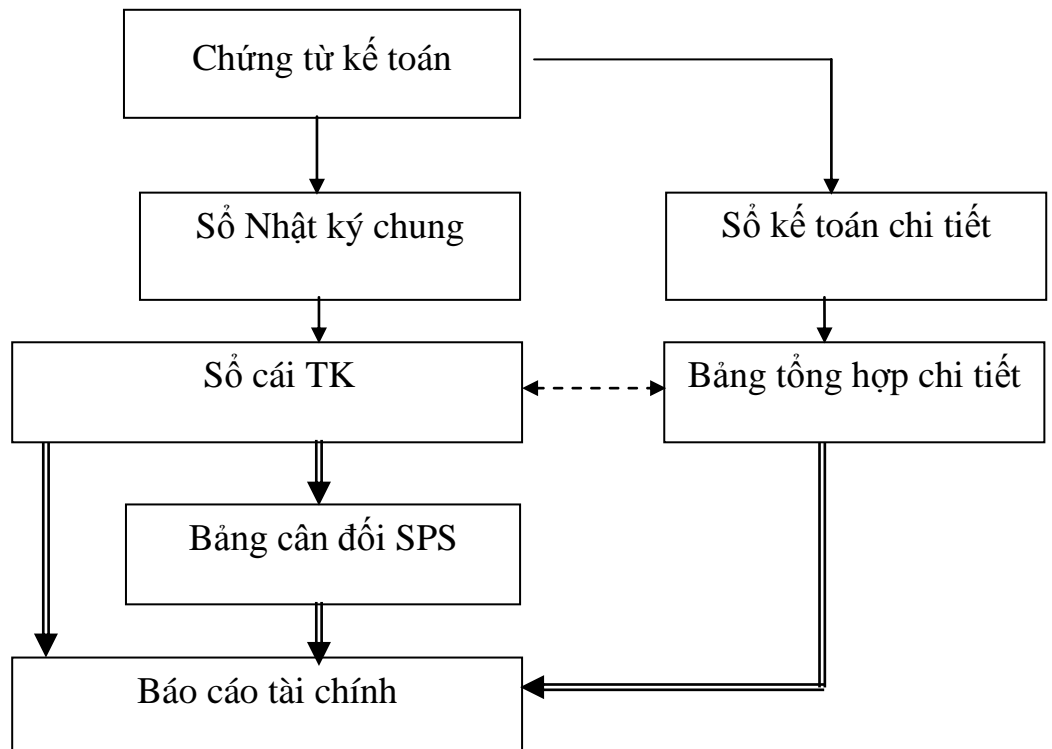
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: theo phương pháp đường thẳng

- Đơn vị tiền tệ dùng trong ghi chép kế toán là: VNĐ. Nếu có phát sinh các ngoại tệ thì ngoại tệ đó sẽ được quy đổi ra đồng VNĐ theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Sơ đồ 2.3 : Trình tự kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, kế toán tiến hành ghi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, đồng thời kế toán cũng tiến hành ghi vào sổ chi tiết có liên quan sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để tiến hành ghi vào sổ cái.

Cuối năm căn cứ vào số liệu ghi trên sổ cái kế toán tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng giữa số liệu sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết được lập kế toán lập báo cáo tài chính.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Nam

2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác:

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng :

Chứng từ sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng:

TK 511" Doanh thu bán hàng"

➤ Các tài khoản cấp 2:

- + TK 5111: Doanh thu may 10
- + TK 5113: Doanh thu bán hàng nội địa
- + TK 5114: Doanh thu bán gia công hàng xuất khẩu
- + TK 5118: Doanh thu khác
- + TK 5119: Doanh thu bán thùng carton

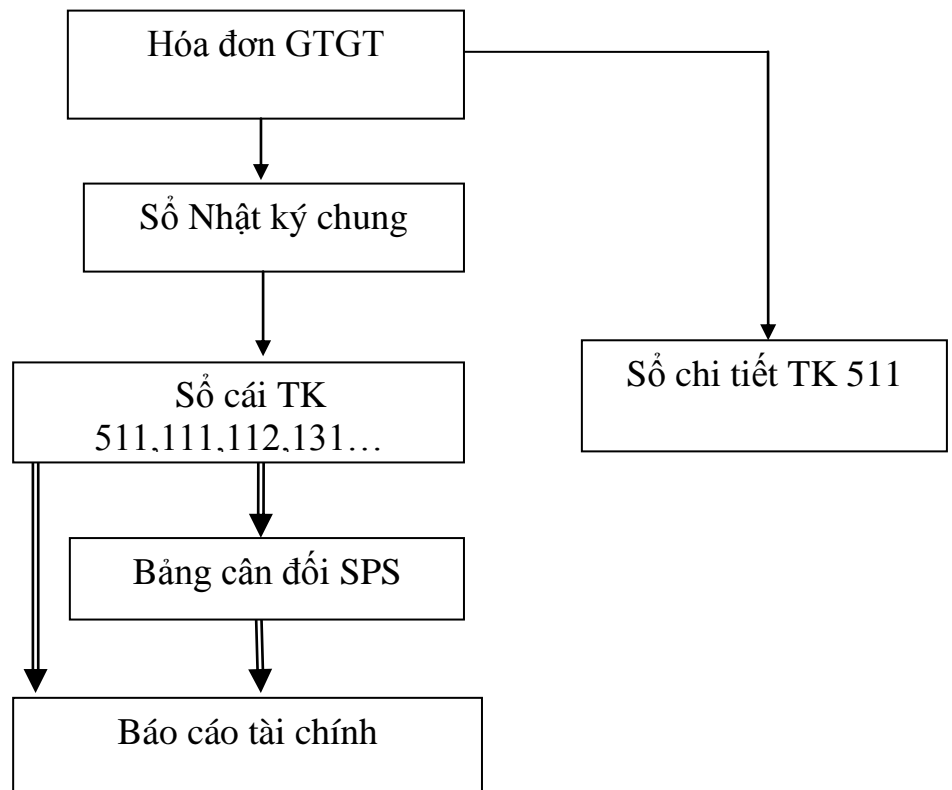
Phương thức bán hàng của công ty là phương thức bán hàng trực tiếp

Hình thức thanh toán:

- Tiền mặt
- Chuyển khoản

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công TNHH may Thiên Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ⇨

Ví dụ minh họa:

Ngày 27/12/2011 Công gia công áo sơ mi SEI-836639 cho công ty Seidenstcker International Lintied số tiền 494.900.654 khách hàng chưa thanh toán.

Kế toán lập hóa đơn xuất khẩu số 0000140 (**Biểu 2.1**). Căn cứ vào hóa đơn xuất khẩu, kế toán vào sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.2**), sau đó căn cứ trên số liệu sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 511 (**Biểu 2.3**), sổ chi tiết TK 5114 (**Biểu 2.4**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000140

HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU		Mẫu số: 06HDXK3/001			
		Kí hiệu: AA/11P			
Liên 2: Giao người mua (To buyer)		Số: 0000140			
Ngày 27 tháng 12 năm 2011					
Đơn vị xuất khẩu: Công ty TNHH may Thiên Nam					
Địa chỉ: Đường Phạm Văn Đồng-Phường Anh Dũng-Dương Kinh –Hải Phòng					
Số tài khoản: Mã số thuế: 0200593607 Tại ngân hàng Thương Mại Á Châu - Hải Phòng					
Điện thoại: 0313.581.956			MST: 0200593607		
Đơn vị nhập khẩu(Unit import): Seidenstcker International Limtied					
Mã số thuế(Tax code):.....					
Địa chỉ (Address):					
Số tài khoản(Account No).....Ngân hàng(Bank).....					
Hình thức thanh toán(Payment Te					
Số hợp đồng(Contracts number):.....Ngày hợp đồng(Contracts Date):.../.../...					
Địa điểm giao hàng(Locaint):.....					
Địa điểm nhận hàng(Locaint returns):.....					
Số vận đơn (B/L Number):.....					
Đơn vị vận chuyển (Transport Unit):.....					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
					USD
01	Áo sơ mi SEI-836639	Chiếc	11.091	2.99	33.162,09
	(Tỷ Giá 1USD= 20.828)				
Tổng cộng tiền thanh toán(Grand Total)					33.162,09
Số tiền viết bằng chữ: Ba m-oi ba ngàn một trăm sáu hai đô la mỹ không trăm chín m-oi cent.					
Người mua hàng/Buyer		Người bán hàng/Seller		Thủ trưởng đơn vị/Director	
(Kí, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.2: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Mẫu số: **S03a- DN**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

ĐVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	D	E	G
....
15/12	HĐ0000138	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL1512-11			
		Phải thu khách hàng	1311	620.197.439	
		Doanh thu bán gia công hàng xuất khẩu	5114		620.197.439
.....
21/12	HĐ0000140	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SEI-836639			
		Phải thu khách hàng – May mặc	1311	690.700.010	
		Doanh thu gia công hàng xuất khẩu	5114		690.700.010
21/12	HĐ0000140	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL 2112 – 11			
		Phải thu khách hàng - may mặc	1311	46.195.046	
		Doanh thu gia công hàng xuất khẩu	5114		46.195.046
31/12	HĐ0000145	Hạch toán doanh thu bán thùng Carton			
		Phải thu của khách hàng – bao bì	1312	12.670.429	
		Doanh thu bán thùng Carton	5119		11.518.572
		Thuế GTGT đầu ra	33311		1.151.857
31/12	HĐ0000151	Hạch toán doanh thu áo sơ mi			
		Phải thu của khách hàng – May mặc	1311	65.632.320	
		Doanh thu bán hàng nội địa	5113		59.665.745
		Thuế GTGT đầu ra	3331		5.966.575
	
		Tổng cộng SPS		807.034.362.035	807.034.362.035

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Trích Sổ cái TK 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Mẫu số: S03b- DN

Địa chỉ: Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Số dư đầu kỳ : 0

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
.....
HĐ0000138	15/12	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL1512-11	1311		620.197.439
.....
HĐ0000140	21/12	Hạch toán doanh thu áo sơ mi SEI-836639	1311		690.700.010
HĐ0000140	21/12	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL 2112 – 11	1311		46.195.046
.....
HĐ0000145	31/12	Hạch toán doanh thu bán thùng Carton	1312		11.518.572
HĐ0000151	31/12	Hạch toán doanh thu áo sơ mi	1311		59.665.745
				
PK09/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng.511 -> 9111	911	76.665.731.070
		Cộng phát sinh		76.665.731.070	76.665.731.070
		Số dư cuối kỳ			

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.4: Sổ chi tiết TK 5114

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Mẫu số: **S20- DNN**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5114 – Doanh thu gia công hàng xuất khẩu
Năm 2011

ĐVT:VNĐ

Số dư đầu kỳ:0

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/u	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
15/12	HĐ0000138	Doanh thu gia công áo sơ mi SOL1512-11	1311		620.197.439
.....
21/12	HĐ0000140	Doanh thu gia công áo sơ mi SEI-836639	1311		690.700.010
21/12	HĐ0000140	Doanh thu gia công áo sơ mi SOL 2112 – 11	1311		46.195.046
.....
31/12	PK09/12	Kết chuyển DT bán hàng 5114 -> 9111	9111	68.423.089.603	
		Tổng số phát sinh		68.423.089.603	68.423.089.603

Số dư cuối kỳ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Kế toán doanh thu hoạt động tài chính của công ty : lãi tiền gửi

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy báo có

Tài khoản sử dụng:

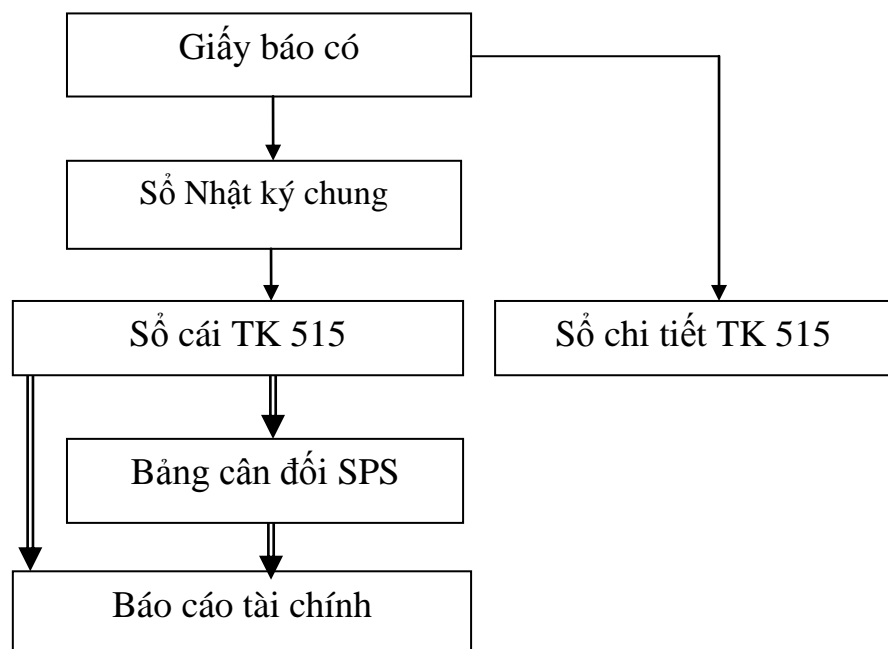
TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"

Các tài khoản cấp 2:

- + TK 5151: Doanh thu lãi tiền gửi
- + TK 5152: Doanh thu chênh lệch tỷ giá

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.5 Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH may Thiên Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2011, công ty nhận được lãi tiền gửi ngân hàng T12/2011 của ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng, số tiền 457.250.VNĐ

Căn cứ vào Giấy báo có (**Biểu 2.5**) của ngân hàng kê toán ghi sổ Nhật ký chung(**biểu 2.6**) đồng thời kê toán ghi Sổ cái TK 515(**biểu 2.7**), sổ chi tiết TK 5151(**biểu 2.8**)

Biểu 2.5: Giấy báo có

NGÂN HÀNG ACB

Chi nhánh:ACB/CN HAI PHONG

Mẫu số:01GTKT2/004

Ký hiệu:AA/11T

Số:160110094916233.000001

Trang 1/1

GIẤY BÁO CÓ

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Số tài khoản:109.21533723.01.9

Địa chỉ: Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòngs

Loại tiền:VNĐ

MST của KH:0200593607

Loại TK:TIỀN GỬI THANH TOÁN

Số bút toán hạch toán: 109.21533723.01.9-20111031

Số ID khách hàng:21533723

Thông báo với khách hàng:

Chúng tôi đã ghi có vào tài khoản của quý khách hoặc nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi tiền gửi	457.250,00
Tổng số tiền	457.250,00

Số tiền(viết bằng chữ) : *Bốn trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi đồng./.*

Trích yếu:Trả lãi số dư trên tài khoản trong tháng 12/2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**
Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03a- DN**
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
01/12	GBN 655	Phí quản lý TK Chi phí khác	64289	22.000	
		Tiền Việt Nam – NHTechcombank	11212		22.000
08/12	GBN670	Thanh toán tiền giấy Phải trả người bán	331	133.739.100	
		Tiền Việt Nam – NH ACB	11211		133.739.100
30/12	PC16/12	Trần Minh nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	1121	40.000.000	
			111		40.000.000
31/12	GBC240	Lãi tiền gửi tháng 12/2011 Tiền VNĐ gửi Ngân hàng ACB	11211	457.250	
		Doanh thu lãi tiền gửi	5151		457.250
31/12	GBC245	Lãi nhập vốn Tiền Việt Nam- Ngân hàng Sacombank	11213	61.026	
		Doanh thu lãi tiền gửi	5151		61.026
Tổng cộng SPS				807.034.362.035	807.034.362.035

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.7: Trích Sổ cái TK 515

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03b- DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2011

Số dư đầu kỳ : 0
ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....
31/12	GBC240/12	Ngân hàng ACB Chi nhánh Hải Phòng	Lãi tiền gửi tháng 12/2011	11211		457.250
31/12	GBC245/12	Ngân hàng Sacombank	Lãi tiền gửi tháng 12/2011	11213		61.026
31/12	PK10/12	-	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính 515 -> 9111	911	1.733.525.152	
			Tổng số phát sinh		1.733.525.152	1.733.525.152

Số dư cuối kỳ : 0
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.8: Sổ chi tiết TK 5151

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S20- DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 5151 – Doanh thu lãi tiền gửi
Năm 2011

ĐVT: VND

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
20/12	GBC110	Ngân hàng Techobank	Lãi tiền gửi tháng 12/2011	11213		91.636
.....
31/12	GBC240	Ngân hàng ACB Chi nhánh Hải Phòng	Lãi tiền gửi tháng 12/2011	11211		457.250
31/12	GBC245	Ngân hàng Sacombank	Lãi tiền gửi tháng 12/2011	11213		61.026
.....
31/12	PK10/12	-	Kết chuyển DT bán hàng 5151 -> 9111	9111	65.551.175	
			Tổng số phát sinh		65.551.175	65.551.175

Số dư cuối kỳ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của công ty chủ yếu là thanh lý, nhượng bán TSCĐ và thu phạt từ hợp đồng.

Chứng từ sử dụng:

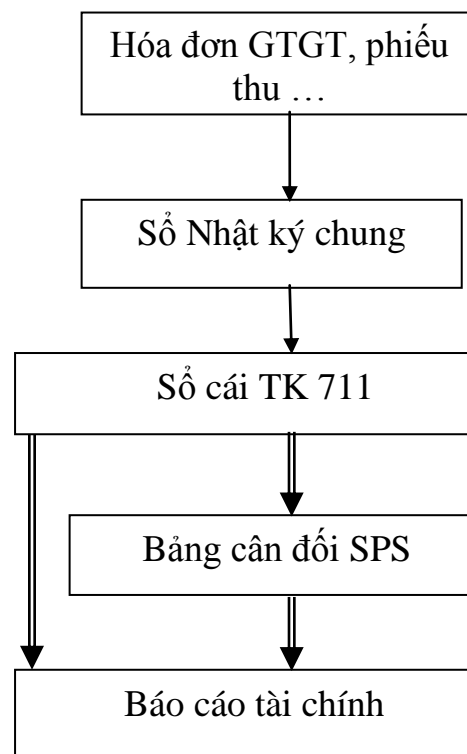
- Biên bản họp hội đồng giá
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 711: Thu nhập khác

Sơ đồ 2.6

Quy trình hạch toán thu nhập khác tại Công ty TNHH may Thiên Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi định kỳ: =====>

Trong năm công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến thu nhập khác.

2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi quản lý kinh doanh và chi phí khác:

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán của công ty TNHH May Thiên Nam được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ (theo tháng), nên giá vốn được tính vào cuối tháng .

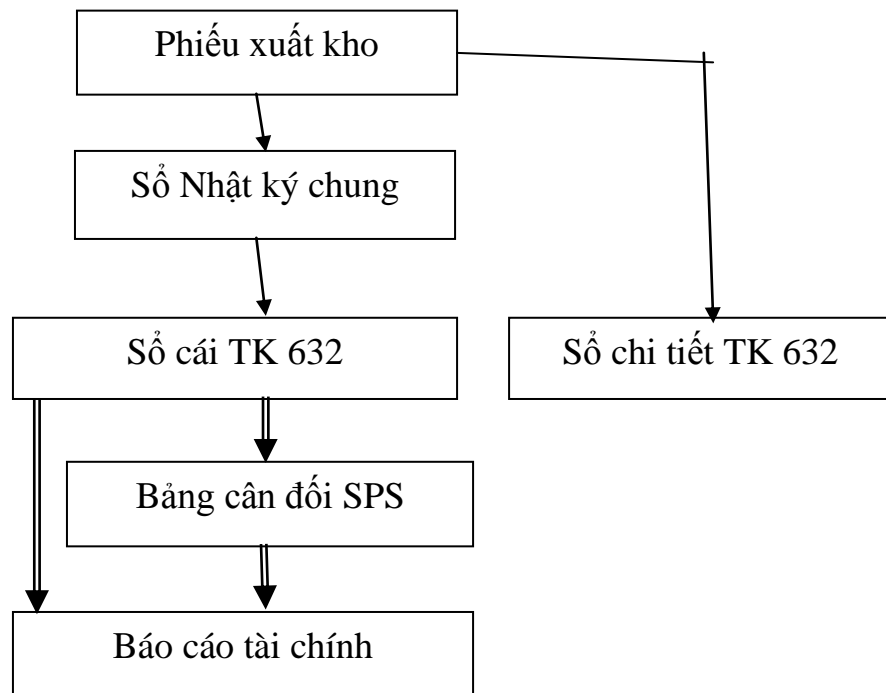
Tài khoản sử dụng:

TK 632 " Giá vốn hàng bán"

✓ Các tài khoản cấp 2:

- + TK 6321: Giá vốn hàng bán của áo sơ mi
- + TK 6322: Giá vốn hàng bán của bao bì

Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán giá vốn tại Công ty TNHH may Thiên Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

Ví dụ minh họa

Ngày 27/12/2011 Công ty gia công áo sơ mi SEI-836639 cho công ty Seidenstcker International Limtied

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Địa chỉ: Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng

BẢNG KÊ NHẬP – XUẤT – TỒN KHO THÀNH PHẨM

Tháng 12 năm 2011

STT	ĐVT	Tên, mã SP	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Đơn giá	Xuất trong kỳ		Tồn cuối kỳ	
			S.Lg	Số tiền	S.Lg	Số tiền		S.Lg	Số tiền	S.Lg	Số tiền
	
1	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 207234	395	24.867.887			62.957	395	24.867.887		
2	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 207234			234	12.323.774	57.055	234	12.323.774		
3	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 836563	497	17.523.605			35.259	497	17.523.605		
4	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 836573	1817	68.378.776			37.633	1817	68.378.776		
5	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 836626			7.456	223.166.199	29.931	7.456	223.166.199		
6	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 836630			3.690	164.236.704	44.509	3.690	164.236.704		
7	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 836639			11.091	394.946.664	35.610	11.091	394.946.664		
8	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 836648			618	23.934.966	38.730	618	23.934.966		
9	Chiếc	Áo sơ mi SEL - 836669			3.039	116.464.527	38.323			3.039	116.464.527
...
		Tổng	244.776	3.876.905.859	165.497	5.025.243.082	12.168.784	106.124	6.119.792.001	304.149	2.782.356.940

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào bảng kê nhập – xuất – tồn kho thành phẩm kế toán lập phiếu kế toán số 08/ 12. Căn cứ vào phiếu kế toán số 08/12 kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung(**Biểu số 2.10**), sổ cái TK 632(**Biểu số 2.11**),sổ chi tiết TK 6321 **Biểu số 2.12**).

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : 08/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định giá vốn của áo sơ mi	6321	1551	6.119.792.001
	Cộng			6.119.792.001

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.10: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**
Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03a - DN**
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	D	E	G
15/12	HĐ0000138	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL1512-11			
		Phải thu khách hàng	1311	620.197.439	
		Doanh thu bán gia công hàng xuất khẩu	5114		620.197.439
21/12	HĐ0000140	Hạch toán gia công áo sơ mi SEI-836639			
		Phải thu khách hàng – May mặc	1311	494.900.654	
		Doanh thu bán gia công hàng xuất khẩu	5114		494.900.654
21/12	HĐ0000140	Hạch toán doanh thu gia công áo sơ mi SOL 2112 – 11			
		Phải thu khách hàng - may mặc	1311	46.195.046	
		Doanh thu gia công hàng xuất khẩu	5114		46.195.046
31/12	HĐ0000145	Hạch toán doanh thu bán thùng Carton			
		Phải thu của khách hàng – bao bì	1312	12.670.429	
		Doanh thu bán thùng Carton	5119		11.518.572
		Thuế GTGT đầu ra	33311		1.151.857
31/12	HĐ000051	Hạch toán doanh thu áo sơ mi			
		Phải thu của khách hàng – May mặc	1311	65.632.320	
		Doanh thu bán hàng nội địa	5113		59.665.745
31/12	PK07/12	Xác định giá vốn sản phẩm bao bì T12/11	6322	2.176.489.765	
			1552		2.176.489.765
	PK08/12	Xác định giá vốn sản phẩm áo sơ mi T12/11	6321	6.119.792.001	
			1551		6.119.792.001
.....
		Tổng cộng SPS		807.034.362.035	807.034.362.035

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.11: Trích Sổ cái TK 632

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Mẫu số: **S03b- DN**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán

Năm 2011

Số dư đầu kỳ : 0

ĐVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
	
31/12	PK07/12	Xác định giá vốn sản phẩm bao bì T12/11	1552	2.176.489.765	
31/12	PK08/11	Xác định giá vốn sản phẩm áo sơ mi T12/11	1551	6.119.792.001	
	
	PK 11/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán TK632 sang TK 9111	9111		57.395.034.810
		Tổng số phát sinh		57.395.034.810	57.395.034.810

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết tài khoản 6321

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S20- DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC))

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6321- Giá vốn hàng bán của áo sơ mi

Năm 2011

Số dư đầu kỳ: 0

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
31/12	PK08/12	Xác định giá vốn sản phẩm áo sơ mi T12/11	1551	6.119.792.001	
31/12	PK11/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán 6321->9111	9111		49.775.401.079
		Tổng số phát sinh		49.775.401.079	49.775.401.079

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2.2 Chi phí tài chính

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo nợ
- Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 635: Chi phí tài chính

✓ Các tài khoản cấp 2:

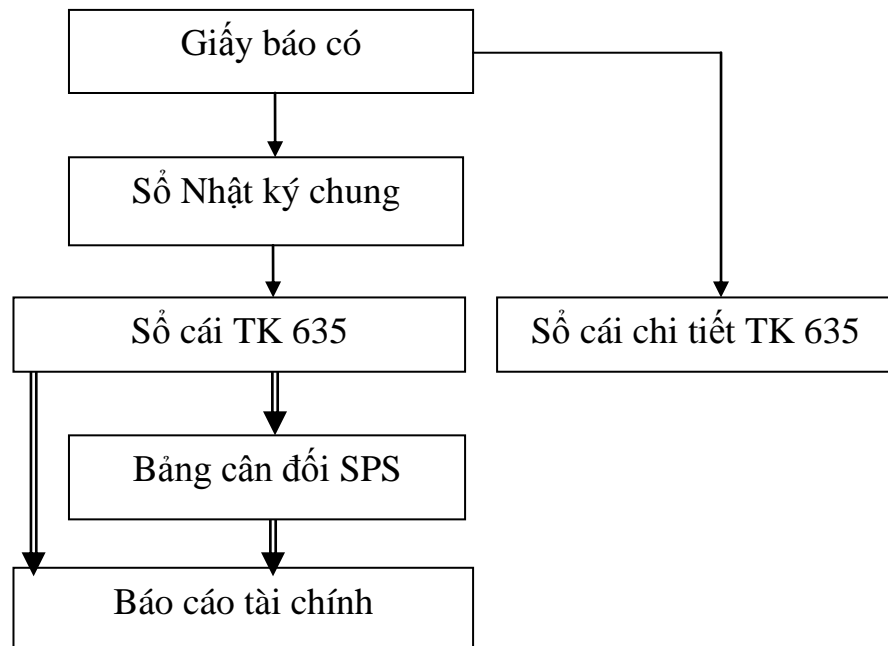
TK 6351: Chi phí lãi vay:

- + TK 63511: Chi phí lãi vay ngắn hạn
- + TK 63513: Chi phí lãi vay dài hạn

TK 6352: Chi phí chênh lệch tỷ giá

Phương pháp hạch toán chi phí tài chính:

Sơ đồ 2.7 Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH may Thiên Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa:

Ngày 15/12, công ty nhận được giấy báo nợ của ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng về lãi tiền vay phải trả T12/2011, số tiền 14.666.667.

Căn cứ vào giấy báo nợ (**Biểu 2.13**) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.14**) và sổ cái TK 635 (**Biểu 2.15**)

Biểu số 2.13: Giấy báo nợ của ngân hàng

NGÂN HÀNG ACB

Chi nhánh: ACB/HẢI PHÒNG

Mẫu số: 01GTKT2/004

Ký hiệu: AA/11T

Số: 160110094916233.000002

Trang 1/1

GIẤY BÁO NỢ

Tên khách hàng: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Số tài khoản: **109.21533723.01.9**

Địa chỉ: Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng

Loại tiền: VNĐ

MST của KH: 0200593607

Loại TK: TIỀN GỬI THANH TOÁN

Số bút toán hạch toán: 109.21533723.01.9-20111031

Số ID khách hàng: 21533723

Thông báo với khách hàng:

Chúng tôi đã ghi nợ vào tài khoản của quý khách hoạch nhận bằng tiền mặt số tiền như sau:

Nội dung	Số tiền
Trả lãi vay TK 115131398	14.666.667

Số tiền (viết bằng chữ): *Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng./.*

Trích yếu: Trả lãi vay T12/11

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Mẫu số: **S03a - DN**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Ban hành theo QĐ số: **15/2006/QĐ – BTC**

Ngày **20/03/2006** của Bộ trưởng **BTC**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
5/12	GBN662	Trả gốc vay + lãi kỳ tháng 12/2011			
		Vay dài hạn - VND	3411	11.800.000	
		Chi phí lãi vay dài hạn	63513	7.701.549	
		Tiền Việt Nam – NH ACB	11211		19.501.549

15/12	GBN696	Trả lãi tiền vay			
		Chi phí lãi vay ngân hàng ACB	6351	14.666.667	
		Tiền gửi ngân hàng ACB	11211		14.666.667

20/12	PC43	Thanh toán tiền mua vật tư văn phòng			
		Phải trả cho người bán	331	18.249.000	
		Tiền Việt Nam	1111		18.249.000

23/12	PT15	Thu hoàn tạm ứng			
		Tiền Việt Nam	1111	27.000.000	
		Tạm ứng	141		27.000.000
.....
		Tổng cộng SPS		807.034.362.035	807.034.362.035

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.15 :Trích Sổ cái TK 635

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03b- DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 635 - Chi phí hoạt động tài chính

Năm 2011

Số dư đầu kỳ : 0

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
5/12	GBN662		Chi phí lãi vay dài hạn	63513	7.701.549	...
15/12	GBN696	Ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng	Lãi tiền vay tháng 12/2011	11211	14.666.667	
.....
31/12	PK14/12	-	Kết chuyển chi phí tài chính 635-> 9112	9111		1.627.787.879
			Tổng số phát sinh		1.627.787.879	1.627.787.879

Số dư cuối kỳ : 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.16 :Trích Sổ chi tiết TK 6351

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S20- DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản 6351 - Chi phí lãi vay

Năm 2011

Số dư đầu kỳ : 0

ĐVT:VNĐ

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
.....
15/12	GBN696	Ngân hàng ACB chi nhánh Hải Phòng	Trả lãi tiền vay	11211	14.666.667	
31/12	PK14/12	-	Kết chuyển chi phí tài chính 6351->9111	9111		1.623.039.195
			Tổng số phát sinh		1.623.039.195	1.623.039.195

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ sử dụng:

- Giấy đề nghị thanh toán
- Phiếu chi
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính khấu hao và phân bổ khấu hao
- Bảng phân bổ CCDC
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

➤ **TK 641 "Chi phí bán hàng"**

✓ Các TK cấp 2:

- + TK 6411: Chi phí vận chuyển thuê ngoài
- + TK 6418: Chi phí XNK
 - + TK 64182 : Chi phí XNK
 - + TK 64183: Chi phí XNK - ngoài

➤ **TK 642 "Chi phí quản lý doanh nghiệp"**

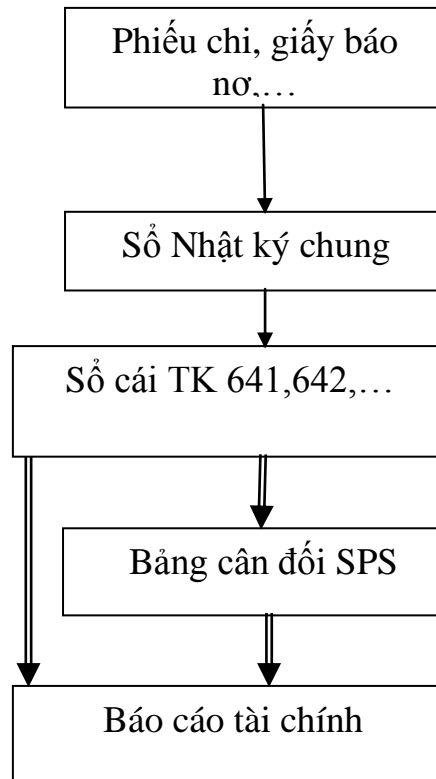
✓ Các TK cấp 2, cấp 3, cấp 4

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý
 - + TK 64220: Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý
 - + TK 64221: Chi phí vật tư văn phòng
 - + TK 64223: Chi phí sửa chữa máy in may phô tô
 - + TK 64224: Chi phí vật tư sửa chữa, cải tạo văn phòng
- TK 6423: Chi phí văn phòng phẩm
- TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định – xưởng may
 - + TK 64241: Chi phí khấu hao của tài sản cố định – xưởng may
 - + TK 64242: Chi phí khấu hao xưởng bao bì
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - + TK 64270: Chi phí nước uống
 - + TK 64271: Chi phí tiếp khách
 - + TK 64273: Chi phí quản lý môi trường
 - + TK 64274: Chi phí bảo vệ an ninh

- + TK 64276: Chi phí thanh toán
- + TK 64277: Công tác phí
- + TK 64278: Chi phí y tế
- + TK 64279: Chi phí xe con 16L- 0855
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác
 - + TK 64280: Chi phí xe khách 16M - 7584
 - + TK 64282: Chi phí thôi việc
 - + TK 64284: Chi phí xe tải 01872
 - + TK 64285: Chi phí điện thoại internet
 - + TK 64286: Chi phí bảo hiểm
 - + TK 64289: Chi phí khác
 - + TK 64290: Chi phí xe ô tô con 16N – 5218
 - + TK 64291: Chi phí phô tô tài liệu
 - + TK 64293: Chi phí điện xí nghiệp
 - + TK 64294: Chi phí nước sạch
 - + TK 64295: Chi phí xếp dỡ hàng hóa
 - + TK 64298: Chi phí chống nóng

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 2.9 : Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH May Thiên Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ⇨

Ví dụ minh họa về chi phí bán hàng

Ngày 06/12/2011 Công ty thanh toán tiền chi phí xuất nhập khẩu ngoài số tiền: 2.470.000.

Căn cứ vào PC 009/12 (**Biểu 2.17**) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**Biểu 2.18**) và sổ cái TK 641 (**Biểu 2.19**)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Phiếu chi

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **02 – TT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số 009/12

Nợ TK 64183:2.470.000

CóTK 1111: 2.470.000

PHIẾU CHI

Ngày 06/12/2011

Họ tên người nộp tiền: Trần Minh Phương

Địa chỉ : Phòng hành chính Công ty TNHH May Thiên Nam

Lý do nộp : Thanh toán tiền chi phí xuất nhập khẩu ngoài

Số tiền : 2.470.000

Số tiền : ***Hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.***

Kèm theo:

Chứng từ kế toán:

Ngày 06/12/2011

Thủ trưởng đơn vị Kế toán Người nộp Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ):***Hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn./.***

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.18: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Địa chỉ: Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng

Mẫu số: S03a - DN

Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
05/12	PC008/12	Thanh toán tiền chi phí handling xuất nhập khẩu			
		Chi phí XNK	64182	12.555.779	
		Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV	1331	1.234.567	
		Tiền Việt Nam	1111		13.790.346
06/12	PC 009/12	Thanh toán tiền chi phí XNK ngoài	64183	2.470.000	
			1111		2.470.000
07/12	PC011/12	Phí bill đường biển , THC			
		Chi phí XNK áo sơ mi	64182	16.650.321	
		Thuế GTGT được khấu trừ của HHDV	1331	1.250.065	
		Tiền Việt Nam	1111		17.900.386
				
25/12	PC066/12	Thanh toán tiền mua hoa			
		Chi phí khác	64289	1.750.000	
		Tiền Việt Nam	1111		1.750.000
.....
		Tổng cộng SPS		807.034.362.035	807.034.362.035

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.19: Trích Sổ cái TK 641

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03b- DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 641: Chi phí bán hàng
Năm 2011

DVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
05/12	PC008/12	Thanh toán tiền chi phí handling xuất nhập khẩu	1111	12.555.779	
06/12	PC 009/12	Thanh toán tiền chi phí XNK	1111	2.470.000	
07/12	PC011/12	Phí bill đường biển , THC	1111	16.650.321	
.....
25/12	PC066/12	Thanh toán tiền mua lẵng hoa	1111	1.750.000	
....
31/12	PK 12/12	Kết chuyển chi phí bán hàng 641 ---> 9111			4.171.797.612
		Cộng phát sinh		4.171.797.612	4.171.797.612
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa về chi phí quản lý doanh nghiệp

Ngày 25/12/2011 Công ty Thanh toán tiền mua lẵng hoa phục vụ ngày thành lập công ty số tiền: 1.750.000.

Căn cứ vào Giấy đề nghị thanh toán (**Biểu 2.20**), phiếu chi (**biểu 2.21**) kế toán ghi sổ Nhật ký chung (**biểu 2.22**) và sổ cái TK 642 (**biểu 2.23**)

Biểu số 2.20 Giấy đề nghị thanh toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 25 tháng 12 năm 2011

Kính gửi: -Giám đốc công ty TNHH MAY THIÊN NAM
-Kế toán trưởng công ty

Họ tên người đề nghị thanh toán: Vũ Văn Hải

Bộ phận: nhân viên phòng hành chính

Kính đề nghị giám đốc duyệt chi các khoản chi phí sau:

STT	Ngày tháng	Diễn giải	Tiền hàng	Tiền thuế	Tổng tiền	Ghi chú
1	25/12/2011	Chi tiền mua hoa phục vụ ngày thành lập công ty	1.750.000		1.750.000	
		Cộng	1.750.000		1.750.000	

Bằng chữ: *Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.*

Hải phòng, ngày 26/12/2011

GIÁM ĐỐC DUYỆT

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.21: Phiếu chi

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Số 066/12

Nợ TK 64289: 1.750.000

CóTK 1111: 1.750.000

PHIẾU CHI

Ngày 25/12/2011

Họ tên người nộp tiền: Vũ Văn Hải

Địa chỉ : Phòng hành chính Công ty TNHH May Thiên Nam

Lý do nộp : Chi tiền mua hoa phục vụ ngày thành lập công ty

Số tiền : 1.750.000

Số tiền : *Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*

Kèm theo : 01

Chứng từ kế toán:

Ngày 25/12/2011

Thủ trưởng đơn vị Kế toán Người nộp Thủ quỹ

Đã nhận đủ số tiền(viết bằng chữ): *Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.22: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Mẫu số: **S03a - DN**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Ban hành theo QĐ số: **15/2006/QĐ – BTC**

Ngày **20/03/2006** của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
07/12	GBN707	Thanh toán tiền chuyển UNC	64275	217.866	
			11211		217.866
.....
10/12	PC012/12	Chi tiền thanh toán tiền điện thoại cho VNPT	6427	787.577	
			133	78.758	
			1111		866.335
.....
12/12	PC015/12	Thanh toán tiền tiếp khách			
		Chi phí tiếp khách	64271	7.132.000	
		Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa dịch vụ	1331	713.200	
		Tiền Việt Nam	1111		7.845.200
.....
25/12	PC066/12	Thanh toán tiền mua hoa			
		Chi phí khác	64289	1.750.000	
		Tiền Việt Nam	1111		1.750.000
.....
		Tổng cộng SPS		807.034.362.035	807.034.362.035

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.23: Trích Sổ cái TK 642

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03b- DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
Năm 2011

ĐVT: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
				
07/12	BN70	Thanh toán tiền chuyển UNC	11211	217.866	
....
10/12	PC013/12	Chi tiền thanh toán tiền điện thoại cho VNPT	1111	787.577	
12/12	PC015/12	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	7.132.000	
....	
25/12	PC066/12	Thanh toán tiền mua lẵng hoa	1111	1.750.000	
....
		...			
31/12	PK 13/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp 642 --> 9111			12.388.615.068
		Cộng phát sinh		12.388.615.068	12.388.615.068
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

2.2.2.4. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác của công ty chủ yếu là giá trị còn lại của TSCĐ khi thanh lý nhượng bán, các khoản tiền nộp phạt vi phạm hợp đồng kinh tế

Chứng từ sử dụng:

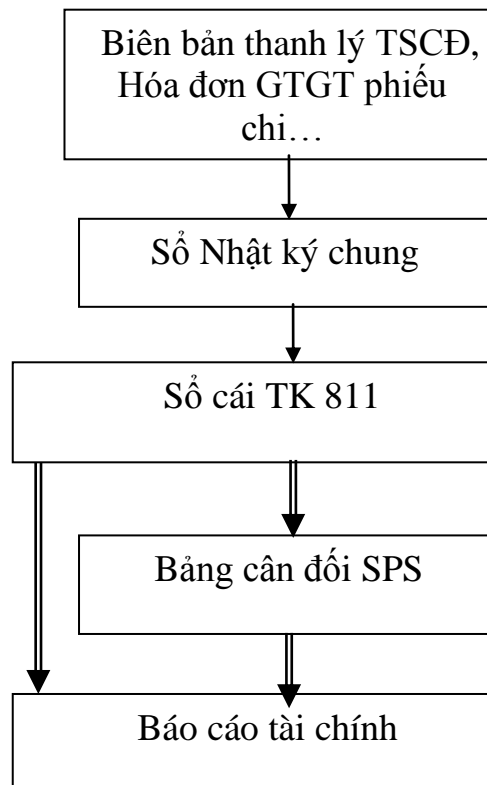
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

TK 811: Chi phí khác

Sơ đồ 2.6

Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty TNHH may Thiên Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

Trong năm công ty không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

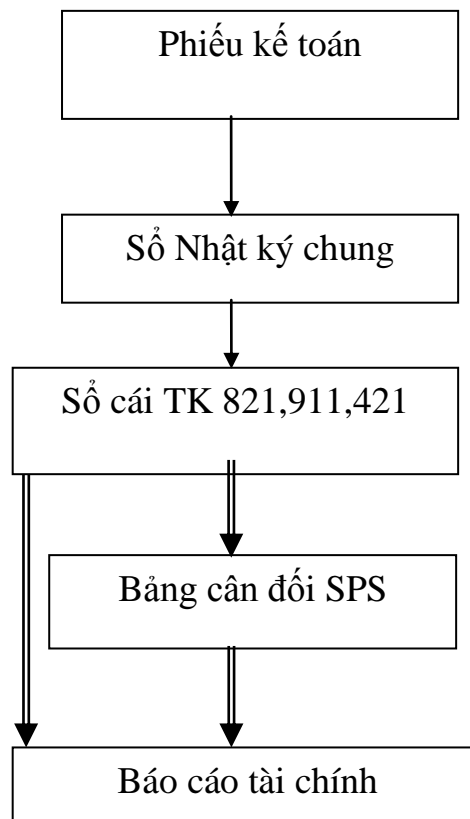
TK 821 :Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp

TK 911:Xác định kết quả kinh doanh

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 2.10 Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH may Thiên Nam



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi định kỳ: ==>

Nội dung xác định kết quả kinh doanh của công ty trong kỳ kế toán:

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh

$$\begin{aligned}\text{Doanh thu thuần} &= \text{Tổng doanh thu} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu} \\ &= 76.665.731.070 - 0 \\ &= 76.665.731.070\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Lãi gộp} &= \text{doanh thu thuần} - \text{giá vốn hàng bán} \\ &= 76.665.731.070 - 57.395.034.810 \\ &= 19.270.696.260\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận thuần} &= \text{Lãi gộp} - \text{chi phí quản lý kinh doanh} \\ &= 19.270.696.260 - (12.388.615.068 + 4.171.797.612) \\ &= 2.710.283.580\end{aligned}$$

Đối với hoạt động tài chính

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận từ hoạt động tài chính} &= \text{thu nhập từ hoạt động TC} - \text{Chi phí TC} \\ &= 1.753.485.912 - 1.627.787.927 \\ &= 12.569.798\end{aligned}$$

Xác định kết quả kinh doanh

$$\begin{aligned}\text{Tổng lợi nhuận trước thuế} &= 2.710.283.580 + 12.569.798 \\ &= 2.722.853.378\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Thuế TNDN phải nộp} &= 2.710.283.580 \times 25\% \\ &= 680.713.344\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN} &= 2.710.283.580 - 680.713.344 \\ &= 2.032.712.685\end{aligned}$$

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ minh họa: Ngày 31/12/2011 từ các phiếu kế toán (**biểu 2.25**), (**biểu 2.26**), (**biểu 2.27**), (**biểu 2.28**), (**biểu 2.29**), (**biểu 2.30**), (**biểu 2.31**), (**biểu 2.32**) (**biểu 2.33**) (**biểu 2.34**) kế toán tiến hành vào sổ nhật ký chung (**Biểu 2.35**) Sổ cái TK821(**Biểu 2.36**) Sổ cái TK911(**Biểu 2.37**) và Sổ cái TK421(**Biểu 2.38**)

Biểu 2.25: Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PK 09/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C doanh thu thuần	511	911	76.665.731.070
	Cộng			76.665.731.070

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.26: Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PK10/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C doanh thu HĐTC	515	911	1.753.485.912
	Cộng			1.753.485.912

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.27: Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PK 11/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C giá vốn hàng bán	911	632	57.395.034.810
	Cộng			1.627.787.927

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.28: Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PK 12/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí bán hàng	911	641	4.171.797.612
	Cộng			4.171.797.612

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.29 Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PK 13/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh	911	642	12.388.615.068
	Cộng			12.388.615.068

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.30 Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PK 14/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí hoạt động tài chính	911	635	1.627.787.927
	Cộng			1.627.787.927

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.31 Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PK 15/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	680.713.344
	Cộng			680.713.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.32 Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PK 16/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí thuế TNDN để xác định kết quả kinh doanh	911	821	680.713.344
	Cộng			680.713.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Biểu 2.33 Phiếu kế toán

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số : PKT 17/12

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C lợi nhuận sau thuế TNDN	911	421	2.032.712.685
	Cộng			2.032.712.685

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.34: Trích Sổ nhật ký chung

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Mẫu số: **S03a - DN**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Ban hành theo QĐ số: **15/2006/QĐ – BTC**

Ngày **20/03/2006** của Bộ trưởng **BTC**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
.....
31/12	PK09/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	76.665.731.070	
			911		76.665.731.070
31/12	PK10/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	1.753.485.912	
			911		1.753.485.912
31/12	PK11/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	57.395.034.810	
			632		57.395.034.810
31/12	PK12/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	4.171.797.612	
			641		4.171.797.612
31/12	PK13/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911	12.388.615.068	
			642		12.388.615.068
31/12	PK14/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	1.627.787.927	
			635		1.627.787.927
31/12	PK15/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	680.713.344	
			3334		680.713.344
31/12	PK16/12	Kết chuyển thuế TNDN	911	680.713.344	
			821		680.713.344
31/12	PK17/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	2.032.712.685	
			421		2.032.712.685
		Tổng cộng SPS		807.034.362.035	807.034.362.035

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.35: Trích Sổ cái TK 821

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S03b- DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK821: Chi phí thuế TNDN

Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
31/12	PK15	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	680.713.344	
31/12	PK16	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		680.713.344
		Cộng phát sinh		680.713.344	680.713.344
		Số dư cuối kỳ			

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.36: Trích Sổ cái TK911

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Mẫu số: **S03b- DN**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK911: Xác định kết quả kinh doanh

Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Diễn Giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh			
31/12	PK09	Kết chuyển doanh thu bán hàng.	511		76.665.731.070
31/12	PK10	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.753.485.912
31/12	PK14	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	1.627.787.927	
31/12	PK11	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	57.395.034.810	
31/12	PK12	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	4.171.797.612	
31/12	PK13	Kết chuyển chi phí QLDN	642	12.388.615.068	
31/12	PK16	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	680.713.344	
31/12	PK17	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	2.032.712.685	
		Cộng phát sinh		82.225.362.463	82.225.362.463
		Số dư cuối kỳ			

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.38: Trích Sổ cái TK421

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S3b- DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<u>2.436.402.302</u>
		Số phát sinh			
31/12	PK17	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế TNDN	911		2.032.712.685
		Cộng phát sinh			
		Số dư cuối kỳ			<u>4.469.114.987</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Thiên Nam

3.1.1. Kết quả đạt được:

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH May Thiên Nam, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty đã đạt được những kết quả như sau:

3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán sẽ phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi kế toán viên đảm nhận những chức năng nhiệm vụ riêng. Kế toán trưởng sẽ trực tiếp chỉ đạo và điều hành các nhân viên trong phòng kế toán, kế toán trưởng sẽ nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng, chính xác để từ đó phát hiện những sai sót và có biện pháp xử lý kịp thời. Tránh được những nhược điểm của việc điều hành chỉ đạo thông qua khâu trung gian. Mặt khác giữa các kế toán viên phụ trách các phần hành kế toán khác nhau cũng có sự phối hợp thường xuyên để hạch toán các phần hành có liên quan. Bộ phận kế toán của công ty có nhiệm vụ thu thập, xử lý các thông tin kinh tế phục vụ cho quá trình hạch toán kế toán và cung cấp thông tin tài chính phục vụ tốt công tác quản lý tài chính của công ty.

- Về nhân sự, bộ phận kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phân nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý và phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và giàu kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình trong công tác kế toán tại công ty được thực hiện khá chính xác, chuyên nghiệp và hiệu quả.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu giữa các bộ phận sản xuất và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng :

- Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời. Các chứng từ được kế toán tổng hợp, lưu trữ và bảo quản cẩn thận.
- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ báo cáo tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc.

Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

+ **Về kế toán doanh thu:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về hoạt động cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

+ **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào máy vi tính. Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ là phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

+ Về kế toán xác định kết quả kinh doanh: Cuối mỗi năm, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty để trình lên ban giám đốc.

3.1.2. Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Thiên Nam

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Thiên Nam còn một số mặt hạn chế như sau:

3.1.2.1. Về việc sử dụng sổ sách tại công ty

Công ty không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản 641, 642 nên không theo dõi được chi tiết từng từng khoản mục chi phí cấu thành chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.

3.1.2.2. Công ty áp dụng chiết khấu thương mại.

Hiện tại công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại cho khách hàng chính là một bất lợi lớn đối với công ty bởi sẽ không khuyến khích được khách hàng mua với số lượng lớn hơn nhằm chân những khách hàng lâu năm và thu hút được những khách hàng mới có tiềm năng từ đó sẽ tăng được lượng hàng bán ra tăng được doanh thu tiêu thụ của công ty..

3.1.2.3. Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán

Tuy công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

- Đối với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn nhiều nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhật và tính toán đầy đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin một cách nhanh chóng, tức thời.

- Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhật thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ, công tác tính toán, tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt lên báo cáo tài chính rất vất vả...

3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Thiên Nam:

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH may Thiên Nam, dưới góc độ là một sinh viên em mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện hơn tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

3.2.1 Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng

Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK641, TK642 giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản mục chi phí cấu thành chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ giúp kế toán đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí nếu cần thiết để góp phần tăng lợi nhuận. Dưới đây là mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: S36 - DN
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Dùng cho các TK 621, 622, 627, 154, 632, 641, 642, 142, 242, 335)

Tài khoản:

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Chia ra	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
			Số phát sinh trong kỳ					
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Mẫu số: **S36 - DN**

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng

Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Chia ra		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	6411	64182	64183
			Số dư đầu kỳ						
			Số phát sinh trong kỳ						
....	
23/1 2	PC049	23/12	Phí chứng từ, vệ sinh cont	1111	12.972.719			12.972.719	
....	
29/1 2	PC062	29/12	Thanh toán tiền chi phí xuất – nhập khẩu	1111	14.790.000				14.790.000
....	
31/1 2	PK004	31/12	Hạch toán chi phí kiểm hàng	331	3.382.771			3.382.771	
31/1 2	PK094	31/12	Hạch toán chi phí thù S & D tháng 12	331			176.890.600		
			Cộng phát sinh		4.171.797.612		1.702.050.41 1	2.222.570.10 7	247.177.094

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Số dư cuối kỳ

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM**

Địa chỉ: **Anh Dũng-Dương Kinh-Hải Phòng**

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Mẫu số: S36 - DN

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Năm 2011

ĐVT: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		Chia ra						
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	6421	6422	6423	6424	6425	6427	6428
		Số dư đầu kỳ										
		Số phát sinh trong kỳ										
...		
GBN683	03/12	Phí chuyển tiền từ nước ngoài	11221	1.049.719						1.049.719		
...		
PC015	08/12	Thanh toán tiền tiếp khách	1111	7.132.000								
...		
PC047	20/12	Thanh toán tiền ga nhà bếp	1111	3.900.000							3.900.000	
PC048	21/12	Thanh toán tiền mua mực in	331					11.700.000				
...		
PC070	31/12	Thanh toán tiền chi phí nhân viên quản lý	33411			412.844.9034						
PC 072	31/12	Thanh toán tiền xăng xe 16N-5218 tháng 12	1111									8.417.000

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

PC074	31/12	Xuất kho vật t- phục vụ sản xuất tháng 12	1531				20.875.545						
PC084	31/12	Chi phí khấu hao TSCĐ - x- ởng máy	1111						23.760.110				
PC091	31/12	Thanh toán tiền thuế, phí và lệ phí								470.000			
		Cộng phát sinh		12.388.615.068		6.408.865.297	495.187.810	66.556.384	1.677.358.397	4.000.000	1.227.785.123	1.083.884.250	2.869.444.900
		Số dư cuối kỳ											

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

3.2.2 : Sử dụng chính sách chiết khấu th-ong mại

Chiết khấu th-ong mại là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hoá (Sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại. (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng)

Tài khoản sử dụng : TK 521 – Chiết khấu th-ong mại

Hạch toán tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau

- Tài khoản này chỉ phản ánh khoản chiết khấu thương mại người mua được hưởng đã thực hiện trong kỳ theo đúng chính sách chiết khấu thương mại của doanh nghiệp đã quy định. Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “ Hóa đơn GTGT” hoặc “ Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng. Trường hợp khách hàng không tiếp tục mua hàng, hoặc ghi số chiết khấu thương mại người mua được hưởng lớn hơn số tiền bán hàng được ghi trên hóa đơn lần cuối cùng thì phải chi tiền chiết khấu thương mại cho người mua. Khoản chiết khấu thương mại trong các trường hợp này được hạch toán vào Tài khoản 521.

- Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã chiết khấu thương mại.

- Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán, như: bán hàng (sản phẩm, hàng hóa), cung cấp dịch vụ.

- Trong kỳ chiết khấu thương mại phát sinh thực tế được phản ánh vào bên Nợ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại. Cuối kỳ, khoản chiết khấu thương mại được kết chuyển toàn bộ sang tài khoản 511- “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ để xác định doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thực tế thực hiện trong báo cáo.

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 521- Chiết khấu thương mại

Kết cấu TK 521:

Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên Có: Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

TK 521 – Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ.

Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:

Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 521 - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33311) (Nếu có)

Có TK 111,112,131...

Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521 - Chiết khấu thương mại.

3.2.3 Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán

❖ Phần mềm kế toán Fast accounting

Trong thời đại bùng nổ công nghệ thông tin, các ứng dụng công nghệ vào thực tiễn đời sống nói chung và trong tổ chức kế toán nói riêng là rất cần thiết. Có thể đưa ra những lợi ích của việc sử dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán như sau:

- Ít tốn thời gian: phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết được tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần đưa số liệu vào và các thao tác in ra.

- Chính xác: các chương trình kế toán có độ chính xác cao và hiếm khi gây ra lỗi.

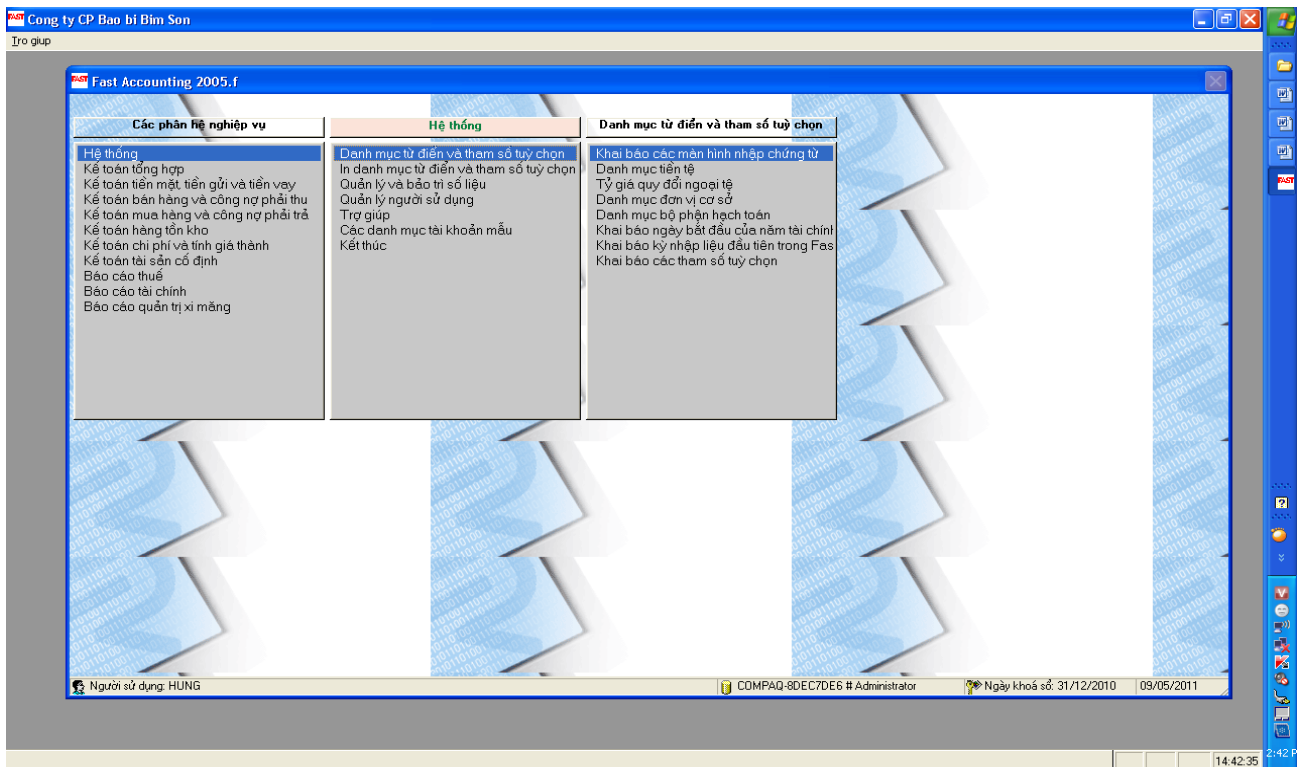
- Dễ sử dụng: doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm đều có hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán có thể sử dụng một cách dễ dàng...

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán. Em xin giới thiệu một số phần mềm phổ biến hiện nay, công ty có thể lựa chọn phần mềm phù hợp với công ty mình như phần mềm kế toán máy **Fast accounting, Misa,...**

Phần mềm kế toán **Fast accounting** : là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Fast accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 3.000 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT

Giao diện phần mềm kế toán Fast accounting:



❖ Phần mềm kế toán SASINNOVA (Phiên bản 6.9)

SASINNOVA 6.9 là phiên bản mới nhất của công ty SIS Việt Nam, được thiết kế theo Quy định mới nhất của Bộ tài chính. Với SASINNOVA 6.9 doanh nghiệp chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh, chương trình sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo kế toán, phân tích tài chính, sản xuất kinh doanh. Một số tính năng nổi bật của SASINNOVA 6.9 là: người sử dụng chỉ giao việc lựa chọn các giao dịch hàng ngày để thực hiện mà không cần biết định khoản (giao dịch được định nghĩa sẵn), cho phép nhập dữ liệu nhanh chóng, giảm 90% thời gian với chứng từ số liệu tương tự (kế thừa các chứng từ tương tự hoặc giống nhau).

+ Ban lãnh đạo hoàn toàn chủ động với số liệu kê toán, tài chính, nắm được cơ chế hoạt động cả khả năng đáp ứng. Từ đó, có thể yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo các thông tin cần thiết một cách chính xác.

- Đối với Bộ phận kế toán tài chính:

+ Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn và kế toán, tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của Bộ Tài Chính và pháp luật Việt Nam.

+ Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo quy định.

+ Thực hiện các chức năng kế toán quản trị để phục vụ yêu cầu của Ban Lãnh Đạo.

- + Khả năng trả lời nhanh các câu hỏi của Ban lãnh đạo liên quan đến các con số: doanh thu, chi phí, lãi/lỗ, tiền lại quỹ và ngân hàng, công nợ, kho hàng hóa...
- + Luôn chủ động trong công việc hàng ngày, hàng tháng.
 - Đối với các bộ phận khác: Quan hệ giữa các phòng ban trở nên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh. Phối kết hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay, để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Vì vậy, việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Với kiến thức đã học cùng một số tìm hiểu thực tế, em xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tại công ty TNHH May Thiên Nam. Tuy nhiên, do trình độ có hạn và lần đầu tiên tiếp cận thực tế nên không thể tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, ban giám đốc cùng cán bộ phòng kế toán của công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Do khả năng còn hạn chế, thời gian thực tập và nghiên cứu có hạn chế nên bài khóa luận của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp từ phía các thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn Cô giáo - Thạc sỹ Trần Thị Thanh Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh của trường Đại học Dân lập Hải Phòng và các cô chú trong phòng kế toán tại Công ty TNHH May Thiên Nam đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2012

Sinh viên

Vũ Thị Nhung

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1/ Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính - Nhà xuất bản tài chính năm 2006.
- 2/ Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- 3/ Kế toán tài chính - TS Phan Đức Dũng (năm 2008)- Nhà xuất bản thống kê
- 4/ Các chứng từ và sổ sách kế toán năm 2011 của Công ty TNHH May Thiên Nam
- 5/ Khóa luận của các khóa 10, 11 tại thư viện trường Đại học dân lập Hải Phòng.
- 6/ Website: Webketoan.com
- 7/ Website: Tapchiketoan.com

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
1	GTGT	Giá trị gia tăng
2	KH TSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
3	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
4	TK	Tài khoản
5	SP, VT	Sản phẩm, vật tư
6	HH	Hàng hóa
7	Công ty TNHH may Thiên Nam	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn may Thiên Nam
8	CCDC	Công cụ dụng cụ
9	CN	Chi nhánh
10	VNĐ	Việt Nam đồng
11	CP	Chi phí
12	CP SXKD	Chi phí sản xuất kinh doanh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	2
1.1.1. Một số vấn đề cơ bản về doanh thu trong doanh nghiệp	2
1.1.1.1. Khái niệm và phân loại doanh thu:	2
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3
1.1.2. Một số vấn đề cơ bản về chi phí trong doanh nghiệp:	4
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:.....	6
1.2. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	7
1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:	8
1.4. Nội dung của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp:.....	8
1.4.1. Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu	8
1.4.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
1.4.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
1.4.1.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	20
1.4.1.4. Kế toán thu nhập khác.....	23
1.4.2. Tổ chức kế toán chi phí	25
1.4.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán:.....	25
1.4.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	31
1.4.2.3. Kế toán chi phí tài chính	35
1.4.2.4. Kế toán chi phí khác:.....	37
1.4.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	38

1.4.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:.....	41
1.5. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	43
1.5.1. Hình thức Nhật ký chung:.....	43
1.5.2. Hình thức Nhật ký - sổ cái	44
1.5.3. Hình thức chứng từ ghi sổ:.....	45
1.5.4. Hình thức Nhật ký - chứng từ:	46
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính:	47
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM	48
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH may Thiên Nam	48
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH may Thiên Nam:	48
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.....	48
Lĩnh vực kinh doanh của công ty là:	48
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH may Thiên Nam	49
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH may Thiên Nam	51
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH may Thiên Nam... ..	51
2.1.4.2. Đặc điểm tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty TNHH may Thiên Nam	53
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thiên Nam.....	55
2.2.1. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác:.....	55
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng :.....	55
2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	61
2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	66
2.2.2. Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi quản lý kinh doanh và chi phí khác:	67

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	67
2.2.2.2 Chi phí tài chính	73
2.2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	78
2.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	88
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	89
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM.....	100
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Thiên Nam	100
3.1.1. Kết quả đạt được:	100
3.1.1.1. Về tổ chức bộ máy kế toán:.....	100
3.1.1.2. Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ..	101
3.1.2. Hạn chế trong tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Thiên Nam.....	101
3.1.2.1. Về việc sử dụng sổ sách tại công ty	101
3.1.2.3. Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán.....	102
3.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH May Thiên Nam:	102
3.2.1 Giải pháp hoàn thiện sổ sách sử dụng.....	102
3.2.2 : Số đông chính sách chi tiêu hàng tháng	107
3.2.3 Giải pháp về sử dụng phần mềm kế toán	108
KẾT LUẬN	111
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	112
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	113